

Số: 1436 /QĐ-TVD

Uông Bí, ngày 09 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định Quản lý, bảo quản,
vận chuyển và sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH-VINACOMIN

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29/6/2024;

Căn cứ QCVN 01:2019/BCT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy Vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ”;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024 của Bộ Công thương “Quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương”;

Căn cứ Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ”;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ mỏ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định Quản lý, bảo quản, vận chuyển và sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp” áp dụng trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1315/QĐ-TVD-KCM ngày 23/6/2023 của Giám đốc Công ty.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị phòng ban, phân xưởng trong Công ty căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Đ/ùỵ Cty (B/cáo);
- Giám đốc (B/cáo);
- Các Đ/c PGĐ Công ty;
- Các Đơn vị trong toàn C.ty;
- Lưu: VT, P.KCM (PL).

GIÁM ĐỐC



Hồ Quốc

QUY ĐỊNH

Quản lý, bảo quản, vận chuyển và sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp
(Ban hành theo Quyết định số: 143 /QĐ-TVD, ngày 09 / 5 /2025 của Giám đốc Công ty)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN): bao gồm thuốc nổ và phụ kiện nổ.
2. Bảo quản VLNCN: Là hoạt động cất giữ vật liệu nổ công nghiệp trong kho hoặc nơi sử dụng.
3. Sử dụng VLNCN: Là quá trình làm nổ vật liệu nổ công nghiệp theo quy trình công nghệ đã được xác định.
4. Vận chuyển VLNCN: Là hoạt động vận chuyển VLNCN từ địa điểm này đến địa điểm khác.

Điều 2. Các đối tượng trong Công ty phải huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp, ứng phó sự cố liên quan đến VLNCN

1. Người quản lý: Là người được Giám đốc Công ty giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm về chuyên môn, kỹ thuật, an toàn trong lĩnh vực quản lý VLNCN, trừ chỉ huy nổ mìn.
2. Thủ kho VLNCN (Người được giao quản lý kho, nơi cất giữ vật liệu nổ công nghiệp): là người được Giám đốc Công ty giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm nhập kho, bảo quản, lưu trữ, xuất kho VLNCN.
3. Chỉ huy nổ mìn Là người được Giám đốc Công ty giao nhiệm vụ để chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc sử dụng VLNCN theo hộ chiếu nổ mìn đã được ký duyệt.
4. Thợ nổ mìn: Là người được Giám đốc Công ty giao trực tiếp sử dụng VLNCN theo hộ chiếu nổ mìn đã được ký duyệt và tuân thủ theo chỉ đạo, hướng dẫn của chỉ huy nổ mìn.
5. Người phục vụ liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bao gồm: Bảo vệ kho bảo quản VLNCN; người thực hiện bốc dỡ, vận chuyển tại kho, vị trí trung chuyển vật liệu nổ công nghiệp và tại khu vực nổ mìn; người áp tải, người điều khiển phương tiện vận chuyển VLNCN; người lấy mẫu phục vụ thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp.
6. Người làm công tác phân tích, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp: Là công nhân thực hiện công việc đo, kiểm tra, phân loại điện trở kíp điện.

Điều 3. Yêu cầu về trình độ chuyên môn trong sử dụng VLNCN

1. Đối với người quản lý: phải có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các ngành kỹ thuật: Hoá chất; vũ khí; vật liệu nổ; chỉ huy kỹ thuật công binh; khai thác mỏ; kỹ thuật mỏ; địa chất; xây dựng công trình; giao thông; thủy lợi; địa vật lý; dầu khí. 

2. Đối với người làm công tác phân tích, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp phải có trình độ trung cấp trở lên thuộc một trong các ngành kỹ thuật: Hoá chất, vũ khí, vật liệu nổ, chỉ huy kỹ thuật công binh, khai thác mỏ, kỹ thuật mỏ, địa chất hoặc khoan nổ mìn.

3. Đối với chỉ huy nổ mìn phải có trình độ từ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật, cụ thể như sau:

a) Đối với chuyên ngành quy định tại khoản 1 Điều này hoặc chuyên ngành khoan nổ mìn, Chỉ huy nổ mìn phải có thời gian trực tiếp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tối thiểu 01 năm đối với người có trình độ đại học trở lên và tối thiểu 02 năm đối với người có trình độ trung cấp, cao đẳng;

b) Đối với chuyên ngành kỹ thuật khác không thuộc các chuyên ngành quy định tại điểm a khoản này, Chỉ huy nổ mìn phải có thời gian trực tiếp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tối thiểu 02 năm đối với người có trình độ đại học trở lên và tối thiểu 03 năm đối với người có trình độ trung cấp, cao đẳng.

4. Đối với thợ nổ mìn:

a) Phải có trình độ từ sơ cấp trở lên thuộc chuyên ngành quy định tại điểm a-khoản 3 - Điều này hoặc từ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành quy định tại điểm b-khoản 3 - Điều này và phải có thời gian tối thiểu 06 tháng làm công việc phục vụ nổ mìn.

b) Phải là người có sức khỏe tốt, đủ năng lực pháp lý, không mắc các bệnh thần kinh.

Điều 4. Yêu cầu để được làm việc liên quan đến VLNCN hàng ca

1. Các đối tượng tại điều 2 Quy định này phải có sức khỏe tốt, đủ năng lực pháp lý, không mắc các bệnh thần kinh. Phải được huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp, ứng phó sự cố, PCCC và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, được Giám đốc công ty bổ nhiệm và giao nhiệm vụ.

2. Phải được thể hiện trong Ca lệnh sản xuất.

Điều 5. Nghiêm cấm:

1. Để VLNCN bị va đập, xô đẩy hoặc chịu nhiệt độ cao hơn mức quy định của nhà sản xuất.

2. Đẩy, ném, kéo lê VLNCN hoặc hòm có chứa VLNCN. Kéo căng hoặc cắt ngắn dây dẫn của kíp điện, kéo căng, thắt nút hoặc để dây tín hiệu của kíp phi điện chồng lên nhau hoặc chồng lên dây nổ.

3. Chọc vào kíp nổ và sửa chữa kíp điện, kíp phi điện.

4. Hút thuốc hoặc sử dụng ngọn lửa trần cách vị trí để VLNCN nhỏ hơn 50m.

5. Mang theo người các loại dụng cụ có khả năng phát ra tia lửa (diêm, bật lửa) hoặc các loại thiết bị, phương tiện thu, phát sóng điện từ tần số radio (điện thoại di động, máy thu phát sóng FM) khi làm việc, tiếp xúc với VLNCN.

CHƯƠNG II

BẢO QUẢN VLNCN

Điều 6. Bảo quản Vật liệu nổ công nghiệp

1. Bảo quản tại các kho VLNCN:

a) Vật liệu nổ công nghiệp được bảo quản trong các kho chuyên dùng của Công ty, kho được bố trí ở nơi thuận tiện cho việc quản lý, bảo quản, cấp phát và sử dụng.

b) Các kho ngoài mặt bằng có bố trí lực lượng bảo vệ canh gác 24/24h trong ngày. Thuốc nổ được xếp riêng đảm bảo cách tường kho $\geq 0,2m$, cách nền kho $\geq 0,3m$, phụ kiện nổ được xếp trên giá.

c) Các kho trong hầm lò được thiết kế, lắp đặt hệ thống cửa, khóa chắc chắn, đội ngũ thủ kho thực hiện chế độ giao ca tại kho có mặt 24/24h trong ngày để bảo vệ. Mỗi loại thuốc nổ được xếp riêng biệt trong các buồng, khám khác nhau. Phụ kiện nổ được xếp trong buồng, khám riêng (theo cùng nhóm tương thích).

d) Thủ kho và người phụ trách bảo vệ kho có trách nhiệm kiểm tra không nhỏ hơn 01 tháng 01 lần đối với các phương tiện PCCC bảo đảm đủ số lượng và luôn trong trình trạng tốt, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các biện pháp phòng cháy.

2. Bảo quản tại nơi sử dụng:

a) VLNCN được bảo quản trong các hòm chuyên dùng bằng chất liệu composite, hòm phải có khóa chắc chắn. Hòm bảo quản thuốc nổ riêng, hòm bảo quản kíp nổ riêng, hai hòm đặt cách nhau $\geq 01m$; cách vị trí nổ mìn $\geq 50m$; ở vị trí lò ổn định, được chèn kích chắc chắn, không bị dột nước, cách xa các cụm điện và đảm bảo tránh được than đá văng khi nổ mìn.

b) Chìa khoá của các hòm bảo quản VLNCN do thợ mìn giữ, cuối ca làm việc thợ mìn phải kiểm đếm lại số lượng VLNCN và đem trả lại kho Công ty.

c) Các máy nổ mìn phải để ở nơi gọn gàng dưới sự giám sát của Chỉ huy nổ mìn tránh va đập hỏng hóc, chìa khóa máy nổ mìn do Chỉ huy nổ mìn giữ, cấm giao chìa khóa nổ mìn cho bất cứ người nào khác.

CHƯƠNG III

VẬN CHUYỂN VLNCN

Điều 7. Quy định chung

- Phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải đảm bảo đủ điều kiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, bảo đảm điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

- Người điều khiển phương tiện, áp tải và người phục vụ có liên quan đến vận chuyển VLNCN phải bảo đảm điều kiện về ANTT; có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

- Người thực hiện vận chuyển VLNCN phải tuân theo các quy định sau đây:

+ Kiểm tra tình trạng hàng hóa trước khi xuất phát hoặc sau mỗi lần phương tiện dừng, đỗ và khắc phục ngay sự cố xảy ra;

+ Thực hiện đầy đủ thủ tục giao, nhận về hàng hóa, tài liệu liên quan đến VLNCN theo quy định;



+ Không dừng, đỗ phương tiện vận chuyển VLNCN ở nơi đông người, dừng đỗ dọc đường. Trường hợp do sự cố về phương tiện vận chuyển phải thông báo ngay cho Phòng KB để phối hợp bảo vệ, xử lý kịp thời. Trong suốt quá trình vận chuyển từ nơi nhận đến nơi giao hàng người được giao nhiệm vụ áp tải thường xuyên theo dõi, kiểm soát đảm bảo không để thất thoát VLNCN trong quá trình vận chuyển.

+ Cấm chở VLNCN và người trên cùng một phương tiện, trừ người có trách nhiệm trong việc vận chuyển theo quy định.

a) Vận chuyển VLNCN từ vị trí tập kết của đơn vị cung ứng VLNCN vào kho

*** Tại khu vực nhận bàn giao VLNCN của đơn vị cung ứng VLNCN**

- Trước khi nhận bàn giao VLNCN từ đơn vị cung ứng (sau đây gọi tắt là người giao hàng) để vận chuyển VLNCN vào kho bảo quản chuyên dụng Phòng Vật tư phải thông báo cho Phòng Kiểm soát nội bộ và Bảo vệ (KB) biết thời gian sẽ giao nhận hàng để Phòng KB bố trí người phối hợp kiểm tra, kiểm soát hoạt động vận chuyển VLNCN đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong thời gian giao nhận và trên tuyến đường vận chuyển VLNCN.

- Trước khi bên giao hàng bàn giao VLNCN cho hội đồng kiểm nhập VLNCN của Công ty, Hội đồng phải kiểm tra tình trạng hòm đựng VLNCN còn đảm bảo nguyên thùng, nguyên hộp, có bị bong, bật, rách, hỏng...hay không, đối với những hộp lẻ thì phải kiểm đếm cụ thể.

- Quá trình giao nhận VLNCN, vận chuyển VLNCN từ vị trí bàn giao VLNCN vào kho nghiêm cấm người không có nhiệm vụ đến gần làm bất cứ công việc gì.

*** Vận chuyển VLNCN vào kho**

- Trước khi VLNCN được vận chuyển vào trong kho, thủ kho phải kiểm tra lại tình trạng của thùng, hộp VLNCN xem còn nguyên thùng, nguyên hộp, có bị bong, bật, rách, hỏng...hay không, đối với những hộp lẻ thì phải kiểm đếm cụ thể xong mới được cho vận chuyển nhập kho.

- Khi bàn giao, nhập VLNCN vào kho, thủ kho VLNCN phải kiểm tra, kiểm soát và ghi rõ đầy đủ thông tin: thời gian, thành phần tham gia, số lượng, mã hiệu VLNCN nhập vào kho, theo quy định. Sau khi kiểm tra, kiểm đếm xong thủ kho phải thông báo lại ngay cho lãnh đạo phòng Vật tư, hội đồng kiểm nhập VLNCN biết để đối chiếu đảm bảo số lượng, chủng loại VLNCN nhập vào kho giống như người giao hàng đã bàn giao cho hội đồng kiểm nhập VLNCN. Trong trường hợp đối chiếu số lượng, chủng loại không trùng khớp phải báo ngay cho Phòng KB, Giám đốc Công ty để có biện pháp xử lý kịp thời theo quy định.

b) Vận chuyển VLNCN luân chuyển giữa các kho

- Phòng Vật tư bố trí lực lượng gồm những người đã được huấn luyện, sát hạch về VLNCN thực hiện công tác vận chuyển/áp tải VLNCN luân chuyển giữa các kho, chịu trách nhiệm kiểm soát về khối lượng VLNCN được vận chuyển. Những người vận chuyển/áp tải VLNCN được phân thành nhóm, có trưởng nhóm và trưởng nhóm là người chịu trách nhiệm cao nhất trong công tác vận chuyển/áp tải VLNCN.

- Trước khi vận chuyển VLNCN luân chuyển giữa các kho để phục vụ sản xuất phải có phiếu lệnh xuất VLNCN theo quy định, phiếu do phòng Vật tư lập theo mẫu tại phụ lục 10 của Quy định này.

- Trước khi vận chuyển VLNCN luân chuyển giữa các kho để phục vụ sản xuất phải đảm bảo có phiếu lệnh xuất, nhập VLNCN theo quy định. Phòng Vật tư phải thông báo cho phòng KB biết thời gian sẽ vận chuyển VLNCN để phòng KB bố trí người tham gia kiểm tra, kiểm soát hoạt động vận chuyển VLNCN đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong thời gian và trên tuyến đường vận chuyển VLNCN.

- Khi xếp VLNCN lên toa xe chuyên dùng phải xếp lần lượt từng xe một theo quy định để đảm bảo công tác an toàn trong quá trình vận chuyển.

- Sau khi xếp xong VLNCN lên toa xe phải dùng khóa để khóa cửa toa xe lại chắc chắn. Chia khóa sẽ do nhóm trưởng của nhóm áp tải VLNCN cất giữ trong suốt thời gian vận chuyển.

- Sau khi bốc xếp xong VLNCN và khóa các toa xe lại theo quy định người áp tải phải thông báo ngay với điều vận của phân xưởng Vận tải để bố trí đầu tàu chuyên dùng kéo đoàn xe chở VLNCN đến vị trí nhập vào kho khác ngay, không phải chờ đợi.

- Trước khi người lái tàu móc nối đầu tàu vào các toa xe phải kiểm tra xem cửa các toa xe để VLNCN đã được khóa theo quy định hay chưa, chỉ được phép vận chuyển khi cửa các toa xe chở VLNCN đã được khóa chắc chắn.

- Trước khi đoàn tàu chở VLNCN chuyển bánh người lái tàu phải thông báo cho điều vận biết ưu tiên dành đường cho đoàn tàu, khi gặp đoàn tàu chở VLNCN thì những người đi ngược chiều, đi gần phải dừng lại, tránh để đoàn tàu đi qua.

- Quá trình kéo, vận chuyển VLNCN những người áp tải, vận chuyển phải thường xuyên theo dõi, kiểm soát các toa xe đảm bảo an toàn, không để thất thoát VLNCN trong quá trình vận chuyển.

- Khi đoàn tàu chở VLNCN vào đến vị trí bốc dỡ tại kho, nhóm trưởng nhóm áp tải kiểm tra lại tình trạng khóa cửa các toa xe, mở lần lượt từng toa xe chứa VLNCN một để người vận chuyển bốc dỡ, vận chuyển nhập vào kho. Khi VLNCN được vận chuyển, nhập vào kho, thủ kho VLNCN phải kiểm tra, kiểm đếm số lượng, tình trạng, chủng loại VLNCN được nhập so với phiếu xuất VLNCN của nơi chuyển tới. Trong trường hợp số lượng, chủng loại, tình trạng VLNCN nhập vào kho không trùng khớp với phiếu xuất của nơi chuyển tới phải thông báo ngay cho Phòng KB và Giám đốc Công ty qua các phòng ban chức năng để xử lý kịp thời theo quy định.

- Khi vận chuyển VLNCN trong Giếng mỏ bằng tời trục kéo toa xe chở VLNCN phải đảm bảo:

+ Vận chuyển VLNCN ngoài thời gian chở Công nhân lên xuống trong giếng đó.

+ Phó Quản đốc trực ca của phân xưởng vận tải phải ra lệnh cho công nhân vận hành tời trục và người phụ trách tín hiệu ở chân trục Giếng mỏ biết về việc vận chuyển VLNCN ở trong giếng.

+ Trước khi trục tải toa xe VLNCN xuống giếng mỏ hoặc lên phải đảm bảo phía dưới chân trục hoặc đầu tời trục đã có ít nhất 2 người áp tải VLNCN chờ sẵn ở vị trí quy định. Khi toa xe chở VLNCN này được trục tải xuống hoặc lên đến nơi thì người áp tải VLNCN phải nhanh chóng quan sát, kiểm tra cửa, khóa cửa các toa xe có bị bể phá hay không. Trong trường hợp quan sát thấy có dấu hiệu xâm nhập phải báo ngay phòng KB và Giám đốc Công ty qua các phòng ban chức năng để xử lý kịp thời theo quy định.

Điều 8. Vận chuyển Vật liệu nổ công nghiệp bằng tàu điện

1. Công ty dùng tàu điện kéo các toa xe chở Vật liệu nổ để vận chuyển VLNCN trong ranh giới Mỏ. Các toa xe chở Vật liệu nổ được sơn biểu trưng, ký, báo hiệu và dòng chữ "**XE CHỖ VẬT LIỆU NỔ**" trên thành xe. Thành và đáy toa xe chở Vật liệu nổ được lót một lượt bằng vật liệu mềm.

2. Việc dồn ghép móc nối các toa xe chở Vật liệu nổ vào vị trí bốc xếp được thực hiện theo quy trình của phòng Cơ điện-Vận tải nhưng phải tuân thủ:

- Trước khi xếp VLNCN lên toa xe chở Vật liệu nổ phải dọn vệ sinh sạch sẽ, kiểm tra tình trạng kỹ thuật của từng xe, nhất là thiết bị an toàn, chú ý vật liệu mềm lót ở thành và sàn của các xe này.

- Trong một đoàn tàu khi chở cả thuốc nổ và phụ kiện nổ thì phải xếp trong các toa xe khác nhau và cách nhau bằng các toa xe rỗng, đảm bảo khoảng cách giữa các xe chở thuốc nổ và xe chở phụ kiện nổ và khoảng cách giữa các xe này với đầu tàu bằng một xe rỗng.

- Cuối đoàn tàu phải bố trí một song loan để chở công nhân bốc vác vận chuyển, người áp tải, bảo vệ đi theo đoàn tàu.

3. Khi xếp VLNCN lên xe phải xếp lần lượt từng xe một. Thuốc nổ được phép xếp chồng lên nhau. Các hòm kíp nổ thì không xếp chồng lên nhau, những khe hở giữa hòm kíp và thành xe phải được chèn khít để tránh va đập.

4. Sau khi bốc xếp xong VLNCN lên xe người áp tải phải thông báo ngay với điều vận phân xưởng Vận tải để bố trí đầu tàu kéo đoàn xe chở VLN đến vị trí nhập vào kho ngay, không để chờ đợi.

5. Trước khi đoàn tàu chở VLNCN chuyển bánh người lái tàu phải thông báo cho điều vận biết để ưu tiên dành đường cho đoàn tàu, treo đèn đỏ ở đầu và cuối đoàn tàu. Khi gặp đoàn tàu chở VLNCN thì những người đi ngược chiều phải dừng lại để tránh cho đoàn tàu đi qua.

6. Quá trình bốc xếp, vận chuyển VLNCN trên các toa xe chở VLN ở các đường lò bằng trong hầm lò đều phải mang theo bình dập lửa.

7. Khi đoàn tàu chở VLNCN vào đến vị trí bốc dỡ tại các kho, thủ kho phải phối hợp với bộ phận bốc dỡ, áp tải đi theo đoàn tàu nhanh chóng bốc xếp VLNCN vào kho, làm các thủ tục nhập kho để giải phóng đoàn tàu.

Điều 9. Vận chuyển Vật liệu nổ công nghiệp từ mặt bằng xuống giếng mỏ bằng tời trực

1. Vận chuyển VLNCN trong giếng Mỏ bằng tời trực kéo toa xe chở VLN. Các toa xe chở VLN được sơn biểu trưng, ký hiệu, báo hiệu và dòng chữ "**XE CHỖ VẬT LIỆU NỔ**" trên thành xe. Thành và đáy toa xe chở VLN được lót một lượt bằng vật liệu mềm.

2. Chỉ vận chuyển VLNCN trong giếng mỏ ngoài thời gian chở công nhân lên xuống trong giếng đó. Phó Quản đốc trực ca của phân xưởng Vận tải ra lệnh cho công nhân vận hành tời trực và người phụ trách tín hiệu ở chân trực giếng mỏ biết về việc vận chuyển VLNCN ở trong giếng, việc vận chuyển VLNCN ở trong giếng mới được thực hiện.

3. Khi vận chuyển VLNCN trong giếng mỏ: Thuốc nổ chở riêng một chuyến, phụ kiện nổ chở riêng một chuyến. Các hòm kíp nổ chỉ được xếp một lớp hòm trong xe (không được xếp chồng lên nhau), thuốc nổ được xếp đủ trọng tải của xe, nhưng đảm bảo khi vận chuyển không bị rơi ra ngoài.

4. Vận tốc của cáp tời trực khi vận chuyển VLNCN trong giếng mỏ không vượt quá vận tốc định mức của tời trực đã được kiểm định. Công nhân vận hành tời trực phải đảm bảo cho xe chở VLN không bị xóc, giật đột ngột khi khởi hành, trong quá trình vận hành và khi dừng đỗ ở chân trực.

5. Khi toàn bộ đoàn xe chở VLN đã tập kết tại sân ga chân trực giếng mỏ. Quản đốc hoặc Phó Quản đốc phân xưởng Vận tải chỉ đạo nhanh chóng thiết lập đoàn tàu chở VLNCN đến các kho để nhập kho ngay.

Điều 10. Vận chuyển Vật liệu nổ công nghiệp từ kho đến nơi sử dụng

1. Khi người mang xách VLNCN đi lại bằng tời MĐK phải tuân thủ quy định đi tời MĐK, ưu tiên cho những người mang xách VLNCN đi trước, hoặc có thể đi sau cùng khi các công nhân khác đã đi hết.

2. Khi người mang xách VLNCN trên song loan, toa xe chỉ chở người riêng người vận chuyển không có các công nhân khác đi cùng. Người mang xách VLNCN trên song loan, toa xe chở người phải thực hiện: mỗi ghế của song loan, toa xe chở người chỉ một thợ mìn hoặc một công nhân mang xách VLNCN ngồi.

3. Thợ mìn vừa là người vận chuyển vật liệu nổ đến nơi sử dụng, vừa là người trông coi, bảo quản kể từ khi lĩnh vật liệu nổ ra khỏi kho cho tới khi nạp vào lỗ khoan và trả lại kho cuối ca. Chỉ có thợ mìn mới được mang xách kíp nổ.

4. Khi vận chuyển thủ công: Khi mang xách đồng thời thuốc nổ và phương tiện nổ, một thợ mìn có thể mang tổng cộng không quá 12kg; thuốc nổ, phương tiện nổ không được để chung trong một túi (ba lô). Nếu chỉ mang thuốc nổ, một thợ mìn mang không quá 20kg. Nếu thuốc nổ để ở nguyên bao kiện của nhà máy sản xuất, cho phép mỗi người mang không quá 40kg nhưng chỉ với đoạn đường dài không quá 300m và độ dốc nhỏ hơn 30°.

5. Khi vận chuyển: Thuốc nổ phải để riêng trong ba lô, túi vải có nắp đậy (do công ty trang cấp), khuy cài chắc chắn, kíp nổ phải để riêng trong hộp gỗ hoặc hộp bằng chất liệu COMPOSITE (do Công ty trang cấp), có nắp đậy và khuy cài, lòng hộp đựng kíp phải được lót bằng vật liệu mềm.

CHƯƠNG IV SỬ DỤNG VLNCN

Điều 11. Đo kiểm tra điện trở kíp nổ điện vi sai an toàn

1. Quy định chung:

- Phải đo kiểm tra trị số điện trở của kíp điện trước khi đưa vào sử dụng. Việc đo kiểm tra điện trở kíp nổ điện được tiến hành ở Nhà đo kíp của Công ty.

- Nhà dùng để đo điện trở kíp được trang bị dụng cụ phục vụ cho công tác đo kiểm tra điện trở. Nhà đo kíp có nội quy tiêu lệnh PCCC, có trang bị bình dập lửa và có đủ ánh sáng, quạt thông gió.

- Công nhân làm nhiệm vụ đo kiểm tra, phân nhóm điện trở kíp phải được đào tạo, kiểm tra sát hạch an toàn về VLNCN định kỳ đạt yêu cầu và được huấn luyện về quy trình sử dụng máy đo kiểm tra điện trở kíp.

- Mọi người không sử dụng điện thoại di động hoặc các thiết bị thu phát sóng có tần số radio cách 50m khi trong nhà đang đo kiểm tra, phân nhóm điện trở kíp.

- Phòng Vật tư là đơn vị chủ trì việc đổi, trả lại nhà cung ứng những kíp không thuộc nhóm I (như quy định tại khoản 2 điều này). Khi trả lại phải có biên bản nêu rõ lý do đổi, trả.

- Thời gian đổi trả: Thực hiện vào lần nhập kíp gần nhất nhưng không quá 30 ngày kể từ khi phát hiện ra kíp cần đổi, trả.

- Thủ tục xuất kho thực hiện theo đúng Quy định hiện hành của Công ty.

2. Quy trình đo kiểm tra và phân nhóm điện trở kíp nổ điện:

Bước 1: Giải phóng tích điện

Tất cả mọi người trước khi vào làm nhiệm vụ đo kiểm tra và phân nhóm điện trở kíp phải thực hiện việc giải phóng tích điện cơ thể. Việc thực hiện giải phóng tích điện cơ thể bằng cách xoa 2 tay vào với nhau để bàn tay nóng lên, cầm cả 2 tay vào cọc kim loại trước cửa nhà đo kíp để giải phóng tích điện.

Bước 2: Kiểm tra và gỡ dây kíp

- Tiến hành mở hộp kíp, lấy từng bó kíp ra kiểm tra vỏ ngoài của kíp, dây dẫn điện. Nếu thấy vỏ kíp bị han rỉ, bóp méo, dây dẫn bị sòn, gãy thì loại ra và xếp ngay vào hộp đựng kíp hỏng.

- Việc gỡ dây kíp thực hiện như sau:

+ Tay trái cầm vào cuộn dây kíp tại vị trí giữa cuộn dây (chỉ cầm bằng ngón tay không cầm cả bàn), tay phải tháo từng vòng dây kíp quấn quanh cuộn dây.

+ Tay phải cầm đầu dây phía kíp cách đầu kíp 2 cm, tay trái vuốt nhẹ ra ngoài để kéo thẳng dây kíp. Chú ý tay phải cầm chặt hơn tay trái để tránh trường hợp khi kéo dây dây bị tuột tay và chỉ vuốt vừa đủ làm thẳng dây kíp không vuốt quá nhanh hoặc quá mạnh làm giãn dây kíp.

+ Gỡ các vòng xoắn cuối dây kíp: Tiến hành gỡ theo thứ tự từng vòng của kíp, tay trái cầm chặt ở cuối dây sát các vòng xoắn, đặt tay xuống mặt bàn dùng tay phải xoắn ngược chiều các vòng xoắn để tháo các vòng xoắn tách 2 đầu dây kíp ra.

Bước 3: Đo xác định điện trở kíp

- Đưa kíp cần đo vào hộp an toàn để tiến hành đo điện trở

+ Tay phải cầm dây kíp tại vị trí cách đầu kíp 2 cm đưa kíp vào lỗ thông từ mặt bàn xuống hộp an toàn đồng thời tay trái gỡ dài thêm dây kíp để đưa kíp vào sâu trong hộp an toàn. Việc đưa kíp vào hộp an toàn phải thực hiện nhẹ nhàng không để kíp va chạm mạnh vào hộp an toàn hoặc mặt bàn kiểm tra. Kíp phải nằm hoàn toàn vào trong hộp kể cả đoạn dây kíp giữa đầu kíp với cuộn dây.

Lưu ý: Trong quá trình đưa kíp vào hộp nếu phát hiện dây bị vướng phải dừng lại ngay và kiểm tra gỡ dây vướng, không được kéo mạnh dây kíp để gỡ vướng.

- Nối dây kíp vào cực của máy đo.

- + Sau khi đưa kíp vào hộp an toàn xong, tiến hành mở nắp trên của máy đo.
- + Dùng 2 tay uốn cong từng đầu dây kíp thành hình móc câu với chiều dài đoạn uốn cong khoảng 2 cm và bán kính đoạn uốn cong tương đương bán kính cực (cọc đầu dây) của máy đo.
- + Vận nói ốc cực của máy đo đến khi tạo được khe hở lớn hơn đường kính dây một ít.
- + Một tay đặt dây vào khe hở theo chiều dài đoạn uốn cong của dây kíp dây ôm vào cực máy đo.
- + Khi dây đã tiếp xúc vào cực máy đo thì vận chặt ốc của cực máy đo để kẹp chặt đầu dây kíp, đầu dây còn lại cũng làm tương tự, đảm bảo các đầu dây tiếp xúc tốt với các cực của máy đo.
- + Sau khi gắn chặt 2 đầu dây kíp vào cực máy đo thì bật công tắc đo (Máy đo đã được chỉnh cho kim chỉ về 0 trước đó). Khi kim ngừng dao động thì đọc giá trị điện trở kíp, khi đọc phải đọc rõ thành tiếng để nhớ kỹ số đo.

Bước 4: Lấy kíp ra khỏi hộp an toàn sau khi đo

- Sau khi xác định được điện trở kíp thì tắt công tắc đo, vận nói 2 ốc của cực đo, nhấc 2 đầu dây kíp ra khỏi cực đo, vuốt thẳng đoạn dây đã bị uốn cong và xoắn lại phần dây hở kim loại với nhau ít nhất 3 vòng làm ngắn mạch hai đầu dây của kíp.
- Lấy kíp ra khỏi hộp an toàn: Tay phải cầm vào 2 dây kíp cách mặt bàn khoảng 2cm và kéo nhẹ kíp trong hộp lên. Khi nhìn thấy đầu kíp phải nhẹ nhàng lựa để đầu kíp vào đúng lỗ thông giữa bàn kiểm tra với hộp an toàn, khi đầu kíp đã trùng với lỗ thì rút kíp ra khỏi hộp an toàn. Kíp phải được lấy ra từ từ để tránh va chạm, cọ sát vào hộp an toàn hoặc mặt bàn.

Bước 5: Gập lại dây kíp và xếp kíp vào hộp, vào hòm kíp sau khi đo.

- Gập các lượt dây với chiều dài mỗi đoạn gập khoảng 7cm bằng tay thuận. Vị trí tay không thuận là đoạn giữa của các đoạn gập. Khi gập dây các vị trí gập của các đoạn phải là các cung tròn;
- Khi dây gập còn lại khoảng 10cm cuối cùng thì dùng đoạn dây còn lại để quấn các vòng dây đó gập tại vị trí giữa các đoạn ít nhất 3 vòng để dây kíp trở thành 1 bó. Kíp sau khi đo xong được phân làm 2 nhóm điện trở như sau;
- + Nhóm I: Các kíp có điện trở từ $2,4 \div 2,8 \Omega$;
- + Nhóm II: Các kíp không thuộc nhóm I. Yêu cầu phải loại riêng ra để trả lại đơn vị cung ứng, nghiêm cấm cấp phát cho các đơn vị để đưa vào sử dụng.
- Xếp kíp vào hộp đựng kíp: Khi xếp phải quay đầu kíp về cùng một phía, kiểm đếm chính xác số lượng kíp theo số và dán phiếu kiểm tra. Phiếu kiểm tra áp dụng theo mẫu tại phụ lục số 01 trong quy định này.
- Xếp hộp kíp vào hòm kíp
- + Các hộp kíp xếp trong hòm là các hộp kíp có cùng số hiệu kíp và cùng nhóm điện trở không xếp lẫn các kíp không cùng một số, khác nhóm điện trở.
- Khi chuyển các hòm kíp đã đo kiểm tra xuống kho phải xếp các hòm kíp trên giá theo đúng quy định.

* Quy định giao nhận ca đo kíp:



- Giao nhận đầu ca: Người làm nhiệm vụ đo kíp trong ca đến nhận kíp từ kho kíp để đưa đến nhà đo kíp dưới sự hướng dẫn của thủ kho và giám sát của bảo vệ kho;

- Giao nhận cuối ca: Cuối ca làm việc người đo kiểm tra điện trở kíp phải cùng với thủ kho lập biên bản về kết quả đo trong ca kể cả số lượng và chất lượng. Khi mang nhập kho phải giao cụ thể từng hòm cho thủ kho và sắp xếp vào các giá đúng quy định về bảo quản VLNCN trong nhà kho.

3. Quy định an toàn khi đo kiểm tra điện trở kíp

- Chỉ đo kiểm tra điện trở kíp khi đã có đầy đủ dụng cụ đo đảm bảo yêu cầu có tem kiểm định còn hạn sử dụng.

- Việc đo điện trở của kíp nổ điện phải tiến hành trên bàn có gờ bao quanh cao hơn 2,0cm, mặt bàn phủ lớp vật liệu mềm chiều dày không nhỏ hơn 3,0mm.

- Khi đo điện trở kíp nổ điện, số lượng kíp nổ tối đa trên bàn của một thợ đo kíp không được lớn hơn 10 kíp nổ.

- Các kíp nổ được đo phải đặt trong ống kim loại hoặc phía sau tấm gỗ dày không nhỏ hơn 10cm.

- Phải đo lần lượt từng kíp một, chỉ tiến hành đo điện trở khi kíp đã nằm trọn trong hộp an toàn.

- Khi cho kíp vào hộp an toàn phải cho nhẹ nhàng tránh để kíp va đập.

- Người đo phải ngồi trên ghế, khoảng cách từ người đến hộp an toàn là 0,5m.

- Khi đo kiểm tra, phân nhóm điện trở kíp nổ điện, những người không có nhiệm vụ cấm vào trong nhà đo kíp.

- Trong quá trình đo kiểm tra, phân nhóm điện trở kíp nếu vô ý để kíp rơi xuống nền nhà thì phải nhặt lên ngay, không để kíp nằm rơi vãi trên nền nhà.

- Không kéo, giật dây kíp khi bị mắc hoặc vướng vào chướng ngại vật, lỗ của hộp an toàn, mặt bàn kiểm tra.

- Cắm tháo, lắp pin của máy đo khi đang tiến hành đo kiểm tra kíp.

- Sau khi đo điện trở kíp, 02 đầu dây dẫn của kíp nổ điện phải được đấu chập lại.

Điều 12: Quy định các hồ sơ liên quan đến VLNCN

1. Phiếu lệnh lĩnh VLNCN

- Quản đốc, Phó Quản đốc là người ghi số lượng VLNCN xin lĩnh và trực tiếp ký phiếu lĩnh trong ca đó;

- Phiếu lệnh lĩnh VLNCN lập riêng biệt cho từng diện khai thác, đào lò (mỗi gương đào lò, gương khâu than phải lập riêng phiếu lĩnh VLNCN khác nhau, không được viết chung nhu cầu của các gương lò trong cùng một phiếu của một ca sản xuất). Yêu cầu phiếu lệnh lĩnh VLNCN phải được lập tại nhà giao ca của phân xưởng vào đầu ca sản xuất. Phiếu lệnh lĩnh VLNCN phải đóng dấu tròn của Công ty ở góc phía trên bên trái và được quản lý như phiếu xuất vật tư phục vụ sản xuất (theo phụ lục 08).

- Khi lập phiếu lệnh lĩnh VLNCN phải dựa vào các điều kiện sau:

+ Lượng VLNCN cho phép sử dụng trong hộ chiếu khoan nổ mìn mẫu cho gương đào lò, gương khâu than của Công ty ban hành;

+ Tình trạng thực tế của gương đào lò, gương khẩu than theo bàn giao của ca trước và dự kiến kế hoạch sản xuất trong ca;

+ Số lượng VLNCN trong phiếu lĩnh do Quản đốc, phó Quản đốc trực ca viết theo nhu cầu của ca sản xuất đối với từng gương lò.

2. Phiếu trả VLNCN sau khi nổ mìn

- Phiếu trả VLNCN sau khi nổ mìn lập dựa trên kết quả tiêu thụ VLNCN trong ca. Số VLNCN không sử dụng hết phải đem trả kho tiêu thụ ngay. Hết ca sản xuất chỉ huy nổ mìn phải lập phiếu trả VLNCN giao cho thợ mìn ký xác nhận thủ kho VLNCN theo quy định (bao gồm cả trường hợp sử dụng hết hoặc không hết lượng VLNCN đã lĩnh đầu ca). Phiếu trả VLNCN sau khi nổ mìn được lập cho từng vị trí nổ mìn. Kết thúc ca sản xuất thợ mìn giao phiếu trả VLNCN cho thống kê phân xưởng để tổng hợp và làm các nghiệp vụ tiếp theo.

- Yêu cầu ghi trên phiếu trả VLNCN sau khi nổ mìn tương tự như phiếu lĩnh. Biểu mẫu phiếu trả VLNCN sau khi nổ mìn theo phụ lục 07.

3. Sổ lệnh nổ mìn

Sổ để lập hộ chiếu khoan nổ mìn, được lập tại gương theo từng ca sản xuất cho mỗi đường lò theo mẫu quy định tại phụ lục 06. Hộ chiếu khoan nổ mìn hàng ca dựa trên cơ sở hộ chiếu mẫu và phải căn cứ vào đặc điểm cụ thể của đất đá than, kết cấu khung chống ở gương lò từ đó lập hộ chiếu khoan nổ mìn.

4. Sổ theo dõi tiêu thụ VLNCN

Sổ dùng để tổng hợp VLNCN sử dụng hàng ca của các phân xưởng đào lò và Khai thác. Cuối ca, cuối ngày phải tổng hợp lượng VLNCN đã tiêu thụ và Quản đốc phân xưởng ký xác nhận.

5. Sổ thống kê nhập và xuất VLNCN

Sổ thống kê nhập xuất VLNCN được sử dụng cho kho dự trữ và kho cấp phát. Sổ phải đánh số trang và đóng dấu giáp lai của Công ty. Sổ phải do thủ kho ghi chép và dùng để thống kê khối lượng VLNCN ở kho. Mỗi loại VLNCN phải được thống kê trong một trang riêng của sổ. Cuối mỗi ngày thủ kho VLNCN có trách nhiệm ghi số VLNCN tồn kho của mỗi loại vào sổ thống kê.

6. Sổ thống kê cấp phát VLNCN

Sổ thống kê cấp phát và trả VLNCN dùng không hết được sử dụng cho các kho tiêu thụ. Sổ phải đánh số trang và đóng dấu giáp lai của Công ty. Cuối mỗi ngày phải tổng hợp số liệu đã cấp phát và đã hoàn trả đối với từng loại VLNCN. Số lượng đã tiêu thụ thực tế trong ngày.

7. Lệnh xuất VLNCN (sử dụng để xuất từ kho này đến kho khác)

- Lệnh xuất VLNCN được dùng để quản lý việc xuất VLNCN cho các đơn vị tiêu thụ. Lệnh xuất VLNCN phải đăng ký trong sổ riêng ghi theo thứ tự, ngày cấp phát và tên người nhận hàng.

- Lệnh xuất VLNCN do thống kê của phòng Vật tư viết thành 04 bản có Trưởng (Phó phòng) ký duyệt.

- Sau khi làm đủ thủ tục, lệnh xuất VLNCN được giao cho người nhận hàng. Người nhận hàng xuất trình lệnh này để nhận hàng. Sau khi cấp phát VLNCN người

thủ kho lưu lại một bản lệnh xuất ở kho, người nhận hàng giữ một bản lệnh xuất để làm các thủ tục nghiệp vụ tiếp theo.

- Đối với trường hợp xuất VLNCN từ kho này sang kho khác cũng phải có phiếu xuất, nhập theo đúng quy định của pháp luật. Trên phiếu phải được Trưởng (phó phòng) ký duyệt.

8. Tất cả các hồ sơ từ **Khoản 1** đến **Khoản 7** Điều này đều phải được đóng dấu đỏ của Công ty. Đối với các loại phiếu thì đóng dấu treo, các loại sổ thì phải đánh số trang và đóng dấu giáp lai.

Điều 13. Lập hộ chiếu khoan, nổ mìn tại gương

* Người lập hộ chiếu khoan nổ mìn gồm: Quản đốc; Phó Quản đốc; Tổ trưởng sản xuất; Gương trưởng; Chỉ huy nổ mìn hoặc người được ủy quyền và được phép chính duyệt hộ chiếu cho phù hợp với thực tế và đảm bảo các yêu cầu sau:

- Người lập hộ chiếu phải căn cứ vào thực tế tại gương để lập hộ chiếu nổ mìn cho phù hợp. Hộ chiếu này được gọi là hộ chiếu thiết kế trong ca. Người thực thi khoan nổ mìn gồm chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, phải ký nhận, nghiên cứu kỹ hộ chiếu để thực hiện đúng quy trình quy định đảm bảo kỹ thuật an toàn. Việc lập hộ chiếu khoan nổ mìn được lập trực tiếp tại vị trí nổ mìn theo từng đợt nổ.

- Việc lập hộ chiếu khoan nổ mìn phải dựa vào hộ chiếu mẫu và căn cứ vào tình trạng áp lực, điều kiện địa chất cụ thể tại gương, gương khâu than để bố trí số lượng lỗ khoan và số lượng VLNCN cho từng lỗ khoan để tránh lãng phí và đảm bảo an toàn.

- Hộ chiếu khoan, nổ mìn: Phải lập đủ các thông số lỗ khoan. Số lượng lỗ khoan để nạp thuốc nổ không vượt quá số lỗ khoan trong hộ chiếu mẫu (có thể khoan thêm lỗ khoan nhưng không nạp thuốc). Bảng lý lịch lỗ mìn phải lập đủ các yêu cầu về chiều sâu, góc nghiêng lỗ mìn, lượng thuốc nổ cho từng lỗ mìn, chiều dài nạp búa, số hiệu lỗ mìn, kíp điện số, thứ tự nổ mìn... theo đúng quy định; số lượng thuốc nổ không được vượt quá hộ chiếu mẫu theo quy định.

- Hộ chiếu khoan nổ mìn ngoài các thông số kỹ thuật còn phải quy định cụ thể trên sơ đồ gác mìn về: Vị trí nổ mìn; Các trạm gác mìn; Tên người gác mìn của từng trạm gác; Khoảng cách an toàn từ vị trí nổ mìn đến vị trí thợ mìn khởi nổ theo đúng biện pháp đã được phê duyệt.

- Căn cứ vào tình trạng áp lực, điều kiện địa chất cụ thể tại gương đào lò, gương khâu than để giảm số lượng lỗ khoan, số lượng VLNCN so với hộ chiếu mẫu để tránh lãng phí và đảm bảo an toàn.

Điều 14. Tổ chức thực hiện công tác khoan nổ mìn

1. Công tác khoan, nổ mìn

- Trước khi thực hiện hộ chiếu khoan nhóm thợ đào lò hoặc khâu than phải tổ chức củng cố lò để đảm bảo an toàn. Các công việc củng cố lò thực hiện theo sự chỉ đạo của Phó Quản đốc trực ca hoặc Chỉ huy nổ mìn.

- Thực hiện công tác khoan nổ mìn:

+ Phải kiểm tra thiết bị khoan trước khi tiến hành khoan. Đối với các gương lò có yêu cầu khoan thăm dò thì phải khoan lỗ khoan thăm dò trước, nếu đảm bảo an toàn mới khoan nổ mìn tại gương; 

+ Khi khoan các lỗ khoan phải khoan đúng vị trí, chiều sâu, góc nghiêng, khoảng cách lỗ khoan theo hộ chiếu khoan lập tại gương lò...

+ Nghiệm thu hộ chiếu khoan: Nghiệm thu về số lượng, chiều dài, vị trí, góc nghiêng... đạt yêu cầu theo hộ chiếu lập tại gương mới tổ chức nạp mìn.

- Thực hiện công tác nổ mìn:

+ Phải đo kiểm tra nồng độ khí CO_2 , CH_4 trước và sau khi nổ mìn. Người đo phải ghi kết quả đo và ký nhận vào sổ. Nếu hàm lượng khí vượt quá giới hạn cho phép thì phải dừng việc nạp mìn, thực hiện các biện pháp làm giảm nồng độ khí. Chỉ khi nồng độ các loại khí ở giới hạn cho phép mới tiến hành nạp mìn;

+ Phải có đủ người gác mìn ở các trạm gác quy định trên sơ đồ gác mìn. Người gác mìn được lựa chọn trong số công nhân đang có mặt làm việc ở gương đào lò, gương khâu than. Người gác mìn phải thông thạo hệ thống đường lò, biết rõ vị trí gác mìn và được giao nhiệm vụ cụ thể. Khi nhận nhiệm vụ người gác mìn phải ký nhận vào lệnh nổ mìn rồi mới đi đến vị trí gác mìn được phân công (nghiêm cấm bố trí công nhân mới, học sinh thực tập đi gác mìn);

+ Tiến hành nạp mìn: Thợ mìn phải nắm rõ lượng thuốc nổ nạp vào từng lỗ khoan, chiều dài nạp búa để nạp đủ lượng thuốc nổ cho từng lỗ, chiều dài búa...thứ tự nạp từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, nạp đủ số lỗ mìn một đợt nổ theo hộ chiếu.

2. Đánh giá hiệu quả nổ mìn

- Việc đánh giá hiệu quả nổ mìn phải là chỉ huy nổ mìn, thợ mìn đánh giá và là người chịu trách nhiệm chính về kết quả nổ mìn tại những gương, đường lò khi được phân công. Cụ thể:

+ Đánh giá công tác thực hiện hộ chiếu khoan: Khoan đúng theo hộ chiếu lập hay khoan không đúng góc nghiêng, chiều sâu lỗ khoan...v.v.;

+ Chất lượng vụ nổ: Phá vỡ than, đá đúng cỡ hoặc quá cỡ hay không phá, tình trạng vì chống thể nào...v.v.;

+ Sản lượng, tiến độ do nổ mìn tạo ra: Được bao nhiêu mét lò, chống được mấy vỉ, sang được mấy giá, buông khâu được bao nhiêu tấn than...v.v.;

- Thanh quyết toán VLNCN tiêu thụ trong ca: Thợ mìn phải trực tiếp đến kho VLNCN của Công ty để quyết toán sau đó ghi số liệu vào sổ theo dõi tiêu thụ VLNCN của phân xưởng, phải ký nhận theo đúng chữ ký mẫu đã đăng ký.

3. Quản lý và lưu giữ hồ sơ

- Hàng ngày Quản đốc phân xưởng trực tiếp kiểm tra việc lập hộ chiếu khoan nổ mìn và tiêu thụ VLNCN ở các diện sản xuất của Phân xưởng, ký duyệt vào các sổ lệnh nổ mìn và sổ theo dõi tiêu thụ VLNCN.

- Quản đốc Phân xưởng phải theo dõi các gương lò đào, gương khâu trong tháng, quý sử dụng số lượng sổ lệnh nổ mìn, sổ theo dõi tiêu thụ VLNCN để thống kê, quản lý, lưu giữ tại Hội trường hoặc nhà giao ca Phân xưởng. Đến kỳ kiểm tra chuyên đề VLNCN (theo thông báo) Phân xưởng có trách nhiệm nộp về Công ty qua phòng AT để tổng kiểm tra lại. Sau đó phòng AT bàn giao về phòng KCM quản lý.

- Các hồ sơ liên quan đến VLNCN chuyển về phòng KCM quản lý bao gồm: sổ lệnh nổ mìn, sổ theo dõi VLNCN. Các phiếu lĩnh, trả và phiếu lệnh khác liên quan đến VLNCN đơn vị quản lý, lưu trữ theo quy định).

Điều 15. Quy định an toàn khi sử dụng máy nổ mìn

1. Máy nổ mìn phải được kiểm định và ghi nhãn theo Quy định tại Quy chuẩn QCVN 01:2015/BCT.

2. Tất cả các máy nổ mìn trước khi sử dụng phải được kiểm tra ở điện áp xung lâu dài, dòng điện xung tăng cường đảm bảo cho tất cả số kíp nổ lớn nhất trong đợt nổ và phải được kiểm định theo quy định hiện hành.

3. Trước mỗi lần sử dụng, người mượn máy phải kiểm tra kỹ tình trạng kỹ thuật của máy nổ mìn như vỏ máy, ổ khóa khởi nổ, chìa khóa...phải đảm bảo hoạt động tốt.

4. Người mượn máy nổ mìn phải giao chìa khóa máy nổ mìn cho Chỉ huy nổ mìn giữ, cấm giao chìa khóa nổ mìn cho bất cứ người nào khác.

5. Không được phép tháo lắp, thay thế các chi tiết của máy trong quá trình sử dụng.

6. Sau mỗi lần sử dụng, phải lau chùi, vệ sinh sạch sẽ máy nổ mìn và trả lại Phân xưởng Điện để bảo quản tại nơi quy định.

Điều 16: Nổ mìn bằng kíp nổ điện:

1. Đường dây dẫn chính của mạng nổ mìn (dây trực, dây cái) chỉ được sử dụng loại có vỏ bọc cách điện.

2. Mạng điện nổ mìn luôn phải có hai dây dẫn, không được sử dụng nước, đất, đường ống dẫn kim loại. đường ray, dây cáp để làm một trong hai dây dẫn.

3. Toàn bộ kíp nổ điện sử dụng trong một mạng nổ mìn điện phải cùng loại và cùng một nhà sản xuất.

4. Phải cách điện tại các điểm đấu nối dây mạng, kiểm tra xác định trị số cường độ dòng điện rò (dòng điện lạc) khi nổ mìn tại vị trí mạng nổ mìn điện đi gần nguồn điện có khả năng gây ra dòng điện rò (đường điện ngầm, thiết bị điện, đường ray kim loại của tàu điện...). Nếu trị số dòng điện rò lớn hơn 50 mA trên 1,0 Ω điện trở đo tại khu vực đặt kíp điện phải kiểm tra và loại trừ nguồn gây ra dòng điện rò trước khi tiến hành nạp, nổ mìn.

5. Việc đấu nối mạng nổ mìn điện phải do những thợ mìn có kinh nghiệm không nhỏ hơn 06 tháng làm việc với phương pháp nổ mìn điện được phép đấu, lắp mạng điện nổ mìn.

6. Chỉ thực hiện đấu nối sau khi nạp mìn và lắp bua xong, người không liên quan đến việc đấu nối đã ra khỏi khu vực bãi nổ mìn. Trình tự đấu nối từ dây dẫn của kíp của phát mìn kết nối dây nhánh và các nhánh kết nối với nhau thành mạng của bãi nổ sau đó đấu chập mạch. Không được đấu mạng điện nổ mìn theo hướng đi từ nguồn điện đến các phát mìn. Chỉ kết nối mạng của bãi nổ với dây dẫn chính khi có lệnh của chỉ huy nổ mìn.

7. Đầu cuối đường dây dẫn chính của mạng điện nổ mìn phải được đấu chập mạch cho đến khi đấu chúng vào cọc đầu dây của máy nổ mìn.

8. Phải sử dụng thiết bị chuyên dùng để đo điện trở và tính thông suốt của mạng

nổ mìn điện sau khi đấu nối. Trị số điện trở đo nếu sai lệch so với trị số tính toán trên 10%, phải tìm nguyên nhân gây ra sai lệch. Thời gian đo kiểm tra điện trở mạng điện nổ mìn không lớn hơn 04 giây.

9. Các máy nổ mìn phải đặt ở vị trí an toàn, Đầu dây dẫn chính khi chưa đấu vào máy nổ mìn phải cách máy nổ mìn không nhỏ hơn 5,0 m.

10. Kể từ lúc bắt đầu đấu nối mạng điện nổ mìn, tất cả các thiết bị điện, dây cáp điện, mạng điện tiếp xúc và các đường điện trên không, nằm ở trong giới hạn của vùng nguy hiểm đều không được mang điện. Trong thời gian đấu nối mạng điện nổ mìn, cho phép sử dụng đèn ắc quy phòng nổ có điện áp < 36V để chiếu sáng vị trí làm việc.

11. Chìa khóa của máy nổ mìn, phải do người chỉ huy nổ mìn giữ trong suốt thời gian từ lúc chuẩn bị nạp cho đến lúc khởi nổ.

12. Khi nổ mìn điện, thợ mìn chỉ được ra khỏi vị trí an toàn khi đã tháo 02 đầu dây dẫn chính ra khỏi nguồn điện và đấu chập mạch lại với nhau, nhưng không được sớm hơn 05 phút kể từ khi nổ mìn và đã thông gió đảm bảo an toàn.

13. Trường hợp phát mìn không nổ sau khi khởi nổ, người khởi nổ phải tháo 02 đầu dây dẫn chính ra khỏi máy nổ mìn, đấu chập 02 đầu dây; chỉ huy nổ mìn cất chìa khóa máy nổ mìn. Sau 10 phút khi hoàn thành các công việc kể trên mới được vào xem xét nguyên nhân mìn bị câm và xử lý mìn câm theo quy định.

14. Cường độ dòng điện gây nổ phóng vào mỗi kíp phải được tính toán đảm bảo không được nhỏ hơn 1,0A khi số lượng kíp nổ đồng thời đến 100 kíp, không nhỏ hơn 1,3A khi số lượng kíp nổ đồng thời từ 100 kíp đến 300 kíp và không nhỏ hơn 2,5 A khi khởi nổ bằng dòng điện xoay chiều.

15. Sau 05 phút kể từ lúc bãi mìn nổ, thợ mìn được giao nhiệm vụ kiểm tra bãi nổ mới được vào khu vực bãi mìn để kiểm tra an toàn nhưng phải đảm bảo đã được thông gió an toàn.

Điều 17: Nổ mìn bằng kíp nổ phi điện

1. Không được sử dụng các kíp có dây dẫn tín hiệu nổ của kíp bị thay đổi màu sắc hoặc phát hiện thấy màu sắc khác nhau về trên cùng một dây tín hiệu; dây dẫn tín hiệu bị dập, rạn, nứt, tiết diện dây dẫn không đều so với quy định. Không được kéo căng, vặn xoắn, làm mài mòn rạn vỡ, cắt ngắn hoặc làm dập dây dẫn tín hiệu nổ của kíp nổ phi điện.

2. Việc đấu ghép mạng nổ và khởi nổ kíp phi điện do thợ mìn có kinh nghiệm làm việc 06 tháng trở lên và phải tuân theo hướng dẫn của nhà chế tạo, chỉ được rải dây dẫn tín hiệu nổ của kíp phi điện trên mặt sau khi đã nạp mìn và lắp bua xong. Cho phép sử dụng kíp nổ đốt, kíp nổ điện, dây nổ áp chặt với dây dẫn tín hiệu nổ của kíp nổ phi điện bằng băng dính hoặc dây buộc mềm để khởi nổ kíp nổ phi điện.

3. Chỉ huy nổ mìn ra lệnh chuẩn bị và khởi nổ bãi mìn sau khi đã thi công xong bãi nổ mìn, người và thiết bị đã di chuyển tới nơi an toàn và đã nhận tín hiệu của tất cả các trạm gác báo về canh gác đảm bảo an toàn.

4. Chỉ được trở lại khu vực bãi mìn vừa nổ để kiểm tra sau 05 phút kể từ lúc phát mìn cuối cùng nổ và được thông gió đảm bảo an toàn.

Điều 18: Quy định về tín hiệu nổ mìn, người phát tín hiệu nổ mìn



1. Việc phát tín hiệu nổ mìn do người Chỉ huy nổ mìn thực hiện. Tín hiệu được phát bằng âm thanh của còi đảm bảo tín hiệu phải đủ lớn để tất cả các vị trí gác đều nghe thấy rõ ràng:

+ Tín hiệu thứ nhất: "**Một hồi còi dài**" Bắt đầu nạp mìn. Tín hiệu để báo cho mọi người biết công việc nạp mìn được bắt đầu;

+ Tín hiệu thứ hai: "**Hai hồi còi dài**" Điểm hỏa mạng nổ. Tín hiệu để báo cho mọi người biết thợ mìn bắt đầu điểm hỏa mạng nổ. Vị trí điểm hỏa được quy định trên sơ đồ gác mìn, cách người gác mìn từ 5m-:- 10m về phía bãi mìn; nhưng phải đảm bảo được khoảng cách an toàn.

+ Tín hiệu thứ ba: "**Ba hồi còi ngắn**" Báo yên. Tín hiệu để báo cho mọi người biết công việc nổ mìn đã kết thúc. Người gác mìn dỡ bỏ các trạm gác, các vị trí trở lại làm việc bình thường.

2. Đối với các trạm gác không thể nghe rõ tín hiệu của Chỉ huy nổ mìn, phải có điện thoại để liên hệ gác mìn.

Điều 19. Quy định về gác mìn, các trạm gác mìn

1. Nghiêm cấm bố trí công nhân mới, học sinh thực tập gác mìn.

2. Người được phân công nhiệm vụ gác mìn trước khi ký nhận nhiệm vụ gác mìn vào sổ lệnh nổ mìn phải nắm vững vị trí gác được phân công nếu chưa nắm vững phải hỏi lại cho rõ, đặc biệt là khoảng cách từ vị trí nổ mìn đến vị trí gác, tín hiệu nổ mìn.

3. Người được giao nhiệm vụ gác mìn được hướng dẫn chỉ đạo vị trí gác mìn của Chỉ huy nổ mìn yêu cầu tuân thủ và thực hiện nghiêm túc ký nhận nhiệm vụ gác mìn vào sổ lệnh nổ mìn, khi đi gác mìn phải mang theo biển "**Đang nổ mìn cấm vào**" tại vị trí gác và treo dây ruy băng cách ly vùng nguy hiểm trong suốt khoảng thời gian gác mìn. Cấm cho người đi vào đường lò đã đuổi người gác mìn với bất kỳ lý do nào chỉ khi nhận được tín hiệu báo yên của Chỉ huy nổ mìn mới được rời khỏi vị trí gác.

4. Đối với những đường lò có lắp đặt điện thoại để liên lạc đuổi người gác mìn. Công nhân được giao nhiệm vụ phải nắm vững IK, vị trí gác được phân công đặc biệt là khoảng cách từ vị trí nổ mìn đến vị trí gác, tín hiệu nổ mìn. Khi đi gác mìn phải mang theo biển "**Đang nổ mìn cấm vào**" tại vị trí đứng gác và treo dây ruy băng cách ly vùng nguy hiểm trong suốt khoảng thời gian được giao nhiệm vụ gác mìn và yêu cầu phải là người trực tiếp gọi điện và nhận điện thoại liên lạc với Chỉ huy nổ mìn, cấm nhờ người khác.

5. Trong các đường lò có khí sinh ra do nổ mìn có thể thay người gác bằng cửa bảo vệ có khóa do chỉ huy nổ mìn giữ và một biển có dòng chữ "**Đang nổ mìn cấm vào**", phải kiểm tra, xác nhận trạng thái an toàn của cửa bảo vệ trước khi nạp mìn; Sau khi kết thúc nổ mìn, đường lò đã được thông gió, kiểm tra đảm bảo an toàn mới được mở cửa bảo vệ, cất biển báo. Chỉ huy nổ mìn là người giữ chìa khóa cửa bảo vệ từ lúc gác mìn đến khi kết thúc nổ mìn.

Điều 20. Khoảng cách an toàn

1. Khoảng cách an toàn là khoảng cách cần thiết nhỏ nhất, theo mọi hướng tính từ vị trí nổ mìn đến công trình, đối tượng cần bảo vệ để đảm bảo các công trình, đối tượng cần bảo vệ không bị ảnh hưởng quá mức cho phép về chấn động, sóng xung kích trong không khí, đá văng khi nổ mìn. 

2. Khoảng cách an toàn đối với người ẩn nấp phải được quy định rõ trong hộ chiếu thi công và đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Đảm bảo tránh được các mảnh than, đất đá văng khi nổ mìn và vị trí người ngồi tránh mìn phải được chống đỡ chắc chắn.

b) Đảm bảo điều kiện thông gió bình thường (tốt nhất ở vị trí có luồng gió sạch đi qua).

c) Không nhỏ hơn 80m đối với lò thẳng nhưng phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho người gác mìn, tránh mìn, điểm hỏa (làm khám hoặc baza chắc chắn để chắn than đá văng). Không nhỏ hơn 50m đối với các đường lò cong cua không có nhánh rẽ.

d) Khi nổ mìn ở lò chợ dài trên 30m độ dốc không lớn hơn 20° , cho phép mọi người không phải rút ra khỏi lò chợ nhưng phải đến khu vực hướng ngược với chiều đi của khí độc sinh ra khi nổ mìn và cách vị trí nổ mìn không nhỏ hơn 50m. Trong trường hợp độ dốc của lò từ 20° đến 30° cho phép áp dụng quy định đối với lò chợ có độ dốc không lớn hơn 20° khi trong một đợt nổ không được dùng quá 3kg thuốc nổ và phải có biện pháp ngăn vật liệu tự xô xuống phía dưới khi nổ mìn.

3. Đối với các thiết bị, cáp điện không thể di chuyển ra vị trí khác (cáp điện dọc đường lò; giàn, giá trong lò chợ) trước khi nổ mìn phải được che chắn đảm bảo.

Điều 21. Thông gió, đo khí trước và sau khi nổ mìn

1. Việc đo kiểm soát khí trước và sau khi nổ mìn do Chỉ huy nổ mìn thực hiện trước và sau mỗi đợt nổ mìn. Đối với cán bộ chỉ huy nổ mìn được mượn máy đo khí đa năng phải kiểm tra hàm lượng khí CO sau khi nổ mìn.

2. Chỉ nạp mìn khi hàm lượng khí mỏ nằm trong giới hạn cho phép theo Quy định thông gió đo khí trong hầm lò hiện hành của Công ty.

3. Sau khi nổ mìn, phải tiến hành thông gió cho vị trí nổ mìn, tốc độ gió sạch phải đạt 0,3 m/s; Chỉ huy nổ mìn trực tiếp đo khí từ ngoài vào, nếu hàm lượng khí đảm bảo an toàn mới được vào kiểm tra bãi mìn. Nếu thông gió 30 phút mà hàm lượng khí vẫn không trở lại giới hạn cho phép phải dừng các công việc ở lò đó, chỉ huy nổ mìn hướng dẫn mọi người rút đến vị trí có luồng gió sạch và phải báo ngay cho Giám đốc Công ty thông qua phòng ĐK để có biện pháp đảm bảo an toàn.

Điều 22. Xử lý mìn câm

1. Khi phát hiện thấy có dấu hiệu mìn câm (hoặc nghi ngờ có mìn câm như có dây kíp hoặc thỏi thuốc thò ra, phần than, đá ở gương lò, nền lò vừa nổ mìn có biểu hiện cục bộ cứng vững, ...) phải ngừng ngay các công việc ở vị trí có mìn câm, rút người đến vị trí an toàn và báo cho PQĐ trực ca để kiểm tra xác định. Khi xác định có mìn câm yêu cầu thực hiện các công việc liên quan trực tiếp tới việc thủ tiêu mìn câm phải tiến hành theo sự hướng dẫn của PQĐ trực ca. Ở chỗ có mìn câm cấm làm bất cứ việc gì ngoài việc xử lý mìn câm.

2. Việc xử lý mìn câm được thực hiện theo Quy định xử lý mìn câm thể hiện trong Quy trình khoan nổ mìn hiện hành. Phải lập biên bản xử lý mìn câm theo Phụ lục 3 của Quy định này.

3. Trường hợp không thể kết thúc xử lý mìn câm trong ca, phải bàn giao cho ca tiếp theo xử lý. Phải lập "Sổ xử lý mìn câm" để ghi lại các phát mìn câm, biện pháp xử

lý và thời gian xử lý theo quy định tại Phụ lục 4 của Quy định này.

4. Sau khi nổ thủ tiêu mìn câm, thợ mìn phải kiểm tra kỹ lưỡng phần than đá nổ ra để thu gom tất cả các vật liệu nổ của phát mìn câm tung ra, sau đó mới cho công nhân trở lại gương làm việc. Vật liệu nổ thu gom lại phải để tại vị trí an toàn và báo cáo với Phó Quản đốc trực ca để thực hiện tiêu hủy theo Quy định tại Điều 23 Quy định này.

Điều 23. Tiêu hủy VLNCN

1. Đối với VLNCN là tang vật vi phạm, không còn nhu cầu sử dụng, không còn khả năng sử dụng hoặc tái chế, thừa trong quá trình thi công nạp mìn hoặc không thể nhượng bán lại hay tái xuất, rơi vãi được thu gom sau ca sản xuất không có điều kiện, khả năng tái chế thì người phát hiện báo ngay với cán bộ trực ca của đơn vị mình biết, cán bộ trực ca báo ngay với Phòng ĐK để có biện pháp tiêu hủy.

2. Phải lập phương án đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trước khi hủy VLNCN. Phương án hủy VLNCN phải được Giám đốc phê duyệt.

3. Trước khi hủy phải thông báo cho cơ quan quản lý VLNCN địa phương và được cơ quan quản lý VLNCN địa phương chấp thuận. Nội dung thông báo gồm: Tên, số lượng VLNCN; nguyên nhân hủy; phương pháp hủy; biện pháp an toàn; địa điểm, thời gian tiến hành hủy; họ tên, chức vụ người tham gia hủy.

4. Phải có lệnh của Giám đốc với sự có mặt của cán bộ các Phòng AT; KCM; KB. Phải lập biên bản hủy VLNCN và ghi chép vào sổ theo dõi (không phải lập biên bản đối với trường hợp chỉ hủy mẩu dây nổ, thuốc nổ rơi vãi thu gom vào cuối ca làm việc có khối lượng không lớn hơn 1,0 kg).

5. Trong biên bản hủy ghi rõ: Tên và số lượng VLNCN phải hủy; Nguyên nhân phải hủy; Phương pháp hủy; Biện pháp an toàn; Địa điểm, thời gian tiến hành hủy; Kết quả hủy, kiến nghị (nếu có); Họ tên chức vụ của người tham gia hủy.

CHƯƠNG V

PHÂN ĐỊNH TRÁCH NHIỆM

Điều 24. Trách nhiệm của các Phòng chức năng trong công tác bảo quản, sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp

1. Phòng Kỹ thuật - Công nghệ mỏ (KCM)

a) Quản lý hồ sơ các kho VLNCN. Căn cứ vào yêu cầu sản xuất của Công ty tham mưu đề xuất thiết kế xây dựng thêm, cải tạo kho VLNCN để phục vụ sản xuất. Xin cấp các giấy tờ cần thiết về quản lý, bảo quản, sử dụng VLNCN theo quy định pháp luật. Thực hiện Báo cáo định kỳ, đăng ký hoạt động VLNCN với cơ quan quản lý cấp trên theo quy định.

b) Lập phương án nổ mìn phù hợp với quy mô sản xuất, điều kiện tự nhiên, điều kiện xã hội trong ranh giới mỏ.

c) Thiết lập đầy đủ hộ chiếu khoan nổ mìn cho từng vị trí sản xuất của các phân xưởng và được coi là hộ chiếu mẫu để áp dụng thường xuyên phục vụ sản xuất. Quá trình lập hộ chiếu mẫu phải tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong

khai thác than hầm lò; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong Quản lý, bảo quản, vận chuyển và sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp và các quy định hiện hành.

d) Nhân viên phụ trách phân xưởng phải kiểm soát việc quản lý, sử dụng VLNCN của phân xưởng so với hộ chiếu trong biện pháp, nếu phân xưởng lập hộ chiếu nổ mìn vượt quá hộ chiếu mẫu phải lập biên bản báo cáo Giám đốc Công ty để xử lý trách nhiệm theo quy định. Lập hộ chiếu khoan nổ mìn bổ sung khi điều kiện địa chất khác so với hộ chiếu ban đầu (khi phòng TĐ cập nhật tài liệu và cấp cho hoặc khi phân xưởng làm văn bản báo cáo Giám đốc thì cùng các phòng AT, TĐ kiểm tra hoặc cho nổ thử nghiệm sau đó lập biên bản báo cáo Giám đốc).

e) Đối với công tác đuổi gác mìn: Khi lập hộ chiếu thi công, hộ chiếu khoan nổ mìn trong phần sơ đồ đuổi gác mìn phải có thuyết minh hướng dẫn cụ thể trình tự hướng di chuyển sơ tán người đến các điểm gác đã phân công cho từng công nhân gác mìn.

f) Các đường lò đào xuyên vỉa trong đá khi đủ điều kiện sử dụng kíp nổ vi sai phi điện, Phòng KCM chủ trì tham mưu Giám đốc xin Cục cấp phép sử dụng (Khi xin cấp phép phải có báo cáo kết quả đo kiểm soát khí tại gương lò liên tục 14 ngày và thiết kế bản vẽ sử dụng kíp nổ vi sai phi điện đảm bảo các điều kiện an toàn trong phòng chống cháy nổ).

g) Chủ trì việc thử và tiêu hủy VLNCN khi có lệnh của Giám đốc Công ty.

h) Thực hiện việc lưu trữ các hộ chiếu, biện pháp, sổ theo dõi VLNCN và sổ lệnh nổ mìn của các đơn vị, phương án liên quan đến sử dụng VLNCN trong thời hạn 10 (mười) năm kể từ ngày ban hành biện pháp, hộ chiếu có liên quan đến sử dụng VLNCN theo quy định của pháp luật tại kho Công ty.

2. Phòng kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động (AT)

a) Thẩm duyệt hộ chiếu khoan nổ mìn đảm bảo yêu cầu phục vụ sản xuất, đúng văn bản của pháp luật, quy định Công ty khi phòng KCM lập, trình ký.

b) Kiểm tra công tác lưu trữ hồ sơ việc quản lý, vận chuyển, bảo quản, sử dụng VLNCN, việc lập hộ chiếu khoan nổ mìn của các phân xưởng theo chuyên đề, định kỳ, đột xuất. Khi kiểm tra phải tỷ mỷ, chi tiết để kịp thời chấn chỉnh những sai sót, hướng dẫn các phân xưởng thực hiện đúng quy định về quản lý, bảo quản, vận chuyển và sử dụng VLNCN.

c) Chủ trì công tác kiểm tra chuyên đề VLNCN hàng quý, kiểm tra các sổ lệnh nổ mìn, sổ theo dõi VLNCN, ký xác nhận kiểm tra với đơn vị và bàn giao cho phòng KCM quản lý sau khi kiểm tra xong.

d) Thực hiện việc đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn trong hoạt động VLNCN, Xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định của pháp luật. Định kỳ hàng năm chủ trì thực hiện việc luyện tập, diễn tập xử lý các tình huống theo kế hoạch ứng cứu khẩn cấp.

e) Gửi bảng tổng hợp về việc đánh giá các rủi ro, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp, các tai nạn, sự cố liên quan đến hoạt động VLNCN trong kỳ (nếu có) về phòng KCM để tổng hợp trước ngày 14 tháng 6 đối với khối lượng tổng hợp thực hiện 6 tháng, trước ngày 14 tháng 12 đối với khối lượng tổng hợp thực hiện năm.

f) Định kỳ hàng năm hoặc khi có thay đổi liên quan đến các điều kiện an toàn, công tác ứng cứu khẩn cấp phải rà soát, cập nhật để đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, phê duyệt Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp để phù hợp với thực tiễn.

g) Biên soạn tài liệu và tổ chức huấn luyện người liên quan đến hoạt động VLNCN theo quy định của pháp luật. Quản lý, theo dõi công tác huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

h) Thực hiện lưu trữ các biên bản kiểm tra chuyên đề theo kế hoạch hàng năm đảm bảo trong thời gian 10 (mười) năm kể từ ngày tiến hành kiểm tra theo quy định của pháp luật.

i) Thanh tra, kiểm soát chặt chẽ các đơn vị thực hiện nghiêm túc công tác an toàn trong quản lý, bảo quản, vận chuyển và sử dụng VLNCN. Khi thấy có dấu hiệu vi phạm lập biên bản báo cáo Giám đốc Công ty xử lý theo quy định.

k) Cùng phòng KB giám sát và lưu giữ các bản cam kết hàng năm của thợ mìn, chỉ huy nổ mìn với Giám đốc Công ty về việc thực hiện đúng quy định quản lý, bảo quản, vận chuyển và sử dụng VLNCN.

3. Phòng Trắc địa - Địa chất (TĐ)

a) Thường xuyên cập nhật tài liệu TĐ theo quy định. Khi điều kiện địa chất thay đổi so với hộ chiếu ban đầu phải lập tài liệu báo cáo Giám đốc, chuyển về phòng KCM để lập hộ chiếu KNM bổ sung cho phù hợp (không để phân xưởng lập hộ chiếu, sử dụng VLNCN vượt quá hộ chiếu mẫu 03 ca liên tục). Khi Phân xưởng đào lò còn cách điểm bực 30m phải có lệnh cho vị trí điểm bực lò để phân xưởng tổ chức gia cường, gác mìn điểm bực và kiểm soát việc thực hiện của phân xưởng.

b) Cấp các thông số về đặc tính cơ lý của than, đá cần nổ mìn (như độ cứng, chiều dày lớp đá kẹp,...) ký xác nhận hộ chiếu khoan nổ mìn đảm bảo yêu cầu phục vụ sản xuất, đúng văn bản của pháp luật, quy định Công ty khi phòng KCM lập, trình ký.

c) Đối với đường lò đào xuyên vỉa trong đá đáng sử dụng kíp nổ vi sai phi điện phải thường xuyên cập nhật vị trí gương, khi gương còn cách vỉa than hoặc than kẹp nhỏ hơn 5,0 mét thì yêu cầu dừng việc sử dụng kíp nổ vi sai phi điện để nổ mìn.

d) Đường lò xuyên vỉa trong đá được phép sử dụng kíp nổ vi sai phi điện nhưng đang dừng để đi qua vỉa, khi đã đi qua vỉa 20m thì báo cáo Giám đốc xin ý kiến để tiếp tục sử dụng kíp nổ vi sai phi điện.

4. Phòng Vật tư

a) Căn cứ vào kế hoạch sản xuất tháng, quý, năm của Công ty cùng các Phòng KH, KT triển khai các thủ tục mua đầy đủ VLNCN về Công ty phục vụ sản xuất.

b) Xây dựng và niêm yết quy trình sắp xếp, bảo quản, xuất, nhập VLNCN trong kho, phân loại VLNCN không đảm bảo chất lượng theo quy định.

c) Tổ chức đo kiểm tra, phân nhóm điện trở của kíp nổ điện trước khi đưa vào sử dụng theo quy định tại Điều 11 quy định này. Khi kiểm tra nếu phát hiện những lô kíp nổ có biểu hiện không đảm bảo chất lượng phải báo cáo Giám đốc có biện pháp xử lý, nghiêm cấm đưa vào sử dụng khi VLNCN có biểu hiện kém chất lượng.

Kết thúc đợt đo phải tiến hành đo kiểm tra xác xuất kết quả đo tối thiểu 05 kíp/hộp trong 05 hộp kíp đã đo điện trở, so sánh với kết quả đo. Trường hợp khi phát

hiện có sai sót, nhầm lẫn giữa kết quả đo và số liệu đã ghi trên hộp phải tiến hành đo kiểm tra lại toàn bộ số lượng kíp trong hộp đó.

d) Tổ chức và chỉ đạo đội ngũ thủ kho VLNCN thực hiện đúng các quy định về cấp phát, bảo quản và thống kê VLNCN theo quy định của Công ty và pháp luật. Tất cả thủ kho thực hiện chế độ bàn giao ca trực tiếp tại kho.

e) Thực hiện chế độ tự kiểm tra việc bảo quản, cấp phát, thống kê xuất nhập VLNCN tại các kho VLNCN theo đúng quy định. Tham gia các đoàn kiểm tra chuyên đề VLNCN của Công ty và Đoàn kiểm tra cấp trên.

f) Cấp số liệu về xuất nhập VLNCN cho các Phòng KCM, AT để làm báo cáo với cơ quan cấp trên khi có nhu cầu.

g) Gửi bảng tổng hợp về chủng loại, số lượng VLNCN đã sử dụng trong kỳ về phòng KCM để tổng hợp trước ngày 14 tháng 6 đối với khối lượng tổng hợp thực hiện 6 tháng, trước ngày 14 tháng 12 đối với khối lượng tổng hợp thực hiện năm theo mẫu tại phụ lục 9 quy định này.

h) Thủ kho VLNCN có trách nhiệm

- Sắp xếp VLNCN trong kho: Thuốc nổ xếp riêng trong các buồng, khám (mỗi loại thuốc nổ khác nhau phải xếp riêng trong các buồng, khám khác nhau). Phụ kiện nổ xếp riêng trong các buồng, khám hoặc trên giá theo thiết kế của từng kho.

- Nhập VLNCN vào kho: Nhập đúng chủng loại VLNCN ghi trong hợp đồng, trong hóa đơn và phải lập biên bản.

- Xuất VLNCN ra khỏi kho: Phải kiểm tra phiếu lệnh xuất VLNCN về số lượng, chủng loại và chữ ký của người ký phiếu phải được đăng ký mẫu tại kho. Xuất đủ số lượng theo phiếu, vào sổ theo dõi cấp phát và ký nhận đầy đủ.

- Thực hiện đúng Quy định quản lý công tác vật tư của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin.

- Làm đúng và kịp thời các thủ tục xuất, nhập VLNCN và có trách nhiệm lưu trữ các phiếu, chứng từ có liên quan đến từng loại VLNCN và hệ thống sổ nhập, xuất VLNCN theo quy định của pháp luật. Sau kỳ kiểm tra chuyên đề VLNCN bàn giao các hồ sơ liên quan đến VLNCN cho phòng KCM lưu trữ, bảo quản theo quy định (đã được phòng AT kiểm tra, ký xác nhận).

- Không để VLNCN hư hỏng, thiếu hụt hoặc thừa. Nếu thấy VLNCN bị hư hỏng, thiếu hụt hoặc thừa, bao gói không đúng quy định thì phải báo cáo ngay cho cấp trên trực tiếp biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Trong cùng loại VLNCN lô nào sản xuất trước phải cấp phát trước. Chỉ phát VLNCN cho những thợ mỏ đã quyết toán số VLNCN lĩnh lần trước.

- Khi số lượng VLNCN trong kho vượt quá quy định cho phép và có nghi ngờ về chất lượng của VLNCN thì phải báo ngay cho cấp trên trực tiếp.

- Bảo quản cẩn mật chìa khóa của các nhà kho, không được giao cho bất kỳ ai trừ người nhận bàn giao ca sau.

- Cấm cho người không nhiệm vụ vào trong các nhà kho. Đối với kho không có lực lượng bảo vệ chuyên nghiệp thì thủ kho có trách nhiệm kiểm soát người ra vào kho.

- Kiểm tra thợ mỏ có đủ ba lô đựng thuốc, hộp đựng kíp mới được cấp phát. 

- Thường xuyên thực hiện thu dọn phế thải và làm vệ sinh công nghiệp trong kho và trong phạm vi giới hạn bên ngoài của kho.

i) Cán bộ phòng Vật tư được giao phụ trách kho VLNCN một tuần một lần phải kiểm tra kho và lập biên bản kiểm tra để uốn nắn chấn chỉnh kịp thời.

k) Có biển cấm, biển báo, chỉ dẫn các quy định liên quan đến công tác an toàn, phòng cháy, chữa cháy tại khu vực kho VLNCN.

l) Đặt in các biểu mẫu, phiếu lệnh,... theo đúng quy định này.

m) Chỉ đạo, thực hiện đúng các quy định tại điều khoản 1 Điều 6, Điều 7 và Điều 8 tại quy định này.

5. Phòng Kiểm soát nội bộ và Bảo vệ (KB)

a) Chủ trì xây dựng và ban hành nội quy, quy định về bảo đảm an ninh trật tự, an toàn, phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp; Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, phương án đảm bảo an ninh trật tự theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024.

b) Trang cấp đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy theo các kho VLNCN. Chủ trì tổng hợp và mời đơn vị có năng lực để kiểm định các thiết bị, phương tiện PCCC đảm bảo theo quy định.

c) Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát điều kiện bảo đảm an ninh, an toàn, phòng cháy, chữa cháy đối với người, phương tiện ra vào, làm việc, dụng cụ PCCC trong khu vực kho VLNCN. Cho thay thế bổ sung kịp thời các phương tiện, dụng cụ đảm bảo phương tiện, dụng cụ luôn đủ tốt. Tham gia kiểm tra chuyên đề hàng Quý.

d) Chủ trì trong việc xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự liên quan đến hoạt động VLNCN theo quy định của pháp luật.

e) Trang bị đầy đủ công cụ hỗ trợ cần thiết khi làm nhiệm vụ cho công nhân bảo vệ tại các kho VLNCN và công nhân bảo vệ vận chuyển VLNCN theo quy định của pháp luật.

f) Người bảo vệ tại các kho VLNCN có nhiệm vụ:

+ Thực hiện đúng Quy định quản lý công tác vật tư của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin;

+ Không cho bất kỳ ai vào kho VLNCN khi họ không có giấy tờ hợp lệ;

+ Phát hiện, ngăn chặn dập tắt các đám cháy xảy ra trong phạm vi kho và trong vùng đất tiếp giáp với phạm vi kho;

+ Theo dõi để các cửa nhà kho thường xuyên được đóng và khoá (trừ trường hợp thủ kho đang làm việc cấp phát, nhập hàng) các khoá, niêm phong các nhà kho không bị hư hỏng, mất dấu;

+ Theo dõi những người đã vào kho, nhắc và yêu cầu mọi người phải tuân theo các quy định của Công ty và của pháp luật;

+ Không cho ai chụp ảnh, đo vẽ địa hình thuộc phạm vi kho và các đường tiếp cận kho nếu không có giấy tờ hợp lệ;

+ Không cho bất cứ ai không có nhiệm vụ đến gần các nhà kho bảo quản VLNCN của Công ty;

+ Thực hiện việc khóa cửa ngoài cùng của kho bằng 02 khóa (01 khóa do thủ kho giữ chìa, 01 khóa do bảo vệ kho giữ chìa), bảo quản cẩn mật chìa khóa không để mất hoặc giao cho người khác;

+ Phối hợp với Thủ kho VLNCN kiểm tra Thợ mìn có hòm gỗ đựng kíp mới cho vào kho để lĩnh VLNCN;

+ Thực hiện giao nhận ca trực tiếp tại nhà giao ca của kho, khi giao nhận ca phải kiểm tra tình trạng của phương tiện thông tin liên lạc, hệ thống tín hiệu, trang thiết bị PCCC tại trạm gác, hệ thống cửa khóa, hàng rào, trang thiết bị PCCC tại chỗ của các nhà kho, các khóa và niêm phong (nếu có) có đối chiếu với mẫu chữ ký đã đăng ký đảm bảo nguyên vẹn;

+ Kiểm tra tất cả mọi người, phương tiện ra vào kho và ghi sổ theo dõi, chỉ cho người, phương tiện ra vào kho khi có giấy tờ hợp lệ.

g) Công nhân bảo vệ tại các cửa lò có nhiệm vụ:

- Thực hiện công tác kiểm soát VLNCN ra vào lò và có sổ theo dõi cụ thể, phải yêu cầu thợ mìn, phụ mìn kiểm đếm số lượng VLNCN mang vào, mang ra lò, kiểm soát việc kiểm đếm và ghi cụ thể số lượng VLNCN của từng người mang theo, thời gian ra, vào lò của từng thợ mìn và người phụ vận chuyển VLNCN (Không để thợ mìn và người phụ vận chuyển tự ý ghi sổ).

- Sau kiểm đếm, phải yêu cầu ký nhận.

- Yêu cầu thợ mìn, thợ phụ vận chuyển thực hiện đúng các quy định tại Điều 10 Quy định này.

h) Khi nhận được thông báo của Phòng Vật tư về thời gian và vị trí sẽ vận chuyển, xuất, nhập VLNCN vào các kho phải bố trí người để phối hợp kiểm tra, kiểm soát hoạt động vận chuyển VLNCN đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong thời gian và trên tuyến đường vận chuyển VLNCN.

6. Phòng Đầu tư, Môi trường (ĐTM)

a) Thường xuyên kiểm tra hệ thống các nhà kho VLNCN ngoài mặt bằng, nhà đo điện trở kíp, phát hiện những hư hỏng để có biện pháp sửa chữa, đầu tư khắc phục kịp thời.

b) Xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất mỏ, bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động VLNCN theo quy định của pháp luật.

7. Phòng Cơ điện, Vận tải (CV)

a) Xây dựng phương án vận chuyển VLNCN đảm bảo an toàn, phòng cháy và chữa cháy; biện pháp ứng phó sự cố khẩn cấp trong quá trình vận chuyển VLNCN

b) Kiểm tra, theo dõi số lượng, chất lượng máy đo kiểm tra kíp nổ điện, máy bắn mìn và trang bị đầy số lượng khi các phân xưởng có nhu cầu theo kế hoạch sản xuất của Công ty.

c) Kiểm tra điều kiện chống sét của kho VLNCN, xây dựng hệ thống chống sét; kiểm soát tĩnh điện theo quy định đảm bảo an toàn.

d) Rà soát sửa đổi bổ sung và xây dựng Quy trình vận hành các thiết bị vận chuyển VLNCN; Quy trình sử dụng máy đo kiểm tra kíp nổ điện; Quy trình sử dụng máy nổ mìn; Quy trình vận hành thiết bị điện ở các kho VLNCN...v.v, giao cho các phân xưởng thực hiện.

e) Kiểm tra máy bắn mìn các phân xưởng đang sử dụng, kiểm tra các toa xe chở VLNCN để sửa chữa, thay thế kịp thời. Nhân viên được giao phụ trách phân xưởng ít nhất một tuần một lần phải có biên bản kiểm tra về số lượng, chất lượng máy bắn mìn của phân xưởng. Nhân viên được giao phụ trách phân xưởng vận tải ít nhất một lần trong tuần phải có biên bản kiểm tra tình trạng về chất lượng, số lượng của các toa xe chở VLNCN.

f) Chủ trì việc kiểm định các thiết bị điện, máy nổ mìn, máy đo điện trở kíp đảm bảo yêu cầu và đầy đủ để phục vụ sản xuất (dán các loại vật liệu hỗ trợ bảo vệ phía ngoài tem kiểm định để tránh bị mất thông tin kiểm định).

g) Phải chỉ đạo lắp đặt đầy đủ điện thoại liên hệ cho các vị trí gác mìn theo hộ chiếu khoan nổ mìn, lệnh sản xuất, phương án nổ mìn.

8. Phòng Tổ chức- Lao động tiền lương (TCLĐ)

a) Thành lập bộ phận quản lý và kiểm tra an toàn, đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp (phòng AT làm thường trực).

b) Tổ chức các lớp huấn luyện, sát hạch định kỳ cho CBCN làm các công việc liên quan đến VLNCN, kiểm tra rà soát và ký xác nhận vào danh sách đăng ký mẫu chữ ký của những người làm việc liên quan đến VLNCN của các phân xưởng.

c) Nhân viên phụ trách phân xưởng mỗi tháng một lần kiểm tra về số lượng Thợ mìn, Chỉ huy nổ mìn, những người được giao quyền Quản đốc, phó quản đốc, để tham mưu điều chỉnh kịp thời.

d) Tham mưu, liên hệ hợp đồng với cơ sở có chức năng đào tạo để mở lớp đào tạo các đối tượng theo điều 2 quy định này. Đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất của Công ty. Quản lý, theo dõi, lưu giữ hồ sơ của những người làm việc liên quan đến VLNCN.

e) Theo dõi tổng hợp số Cán bộ là Chỉ huy nổ mìn, thợ mìn báo cáo Giám đốc kịp thời khi có yêu cầu hoặc có liên hệ từ các phòng KCM, AT.

9. Các Phòng Kế hoạch và quản trị chi phí; Kế toán – Thống kê- Tài chính

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất tháng, quý, năm của Công ty và dự toán của P.VT để làm hợp đồng mua bán, xuất nhập, tiêu thụ VLNCN phục vụ sản xuất.

- Xây dựng cơ chế khoán chi phí cho các đơn vị khai thác đào lò sử dụng VLNCN đảm bảo không thất thoát, lãng phí và tăng hiệu quả quản lý.

- Thực hiện lưu trữ, bảo quản các phiếu tờ, hóa đơn, chứng từ liên quan đến mua bán, xuất nhập, VLNCN theo quy định của pháp luật trong thời hạn 10 (mười) năm kể từ ngày thực hiện các hợp đồng mua bán, xuất nhập, tiêu thụ VLNCN.

10. Phòng Điều khiển sản xuất

Tổng hợp, mở sổ theo dõi báo cáo của các đơn vị hàng ca khi tiến hành nổ mìn tại các gương lò thi công như: Nổ mìn mở lò, nổ mìn điểm bực lò, nổ mìn các gương lò đào gần nhau. Kịp thời báo cáo Giám đốc những vướng mắc, khó khăn trong khi thực hiện công tác nạp nổ mìn của các đơn vị để Giám đốc chỉ đạo các Phòng ban có chức năng có biện pháp giải quyết kịp thời. Tham mưu xử lý đối với trường hợp các đơn vị không thực hiện đúng chế độ báo cáo của Công ty.

Điều 25. Trách nhiệm của Phân xưởng sử dụng VLNCN

1. Những người phải đăng ký chữ ký mẫu tại kho VLNCN của Công ty 

Quản đốc, phó quản đốc, Tổ trưởng sản xuất; Giám đốc; Chỉ huy nổ mìn; Thợ mìn thuộc các phân xưởng có sử dụng VLNCN.

2. Chỉ huy nổ mìn

a) Là người chịu trách nhiệm cao nhất trước Giám đốc Công ty và pháp luật trong từng đợt nổ do mình chỉ huy, đảm bảo tuân thủ đúng quy trình khoan nổ mìn và quy định an toàn trong quá trình sử dụng VLNCN.

b) Chỉ huy nổ mìn có trách nhiệm ký nhận vào sổ lệnh nổ mìn, là người trực tiếp giám sát kiểm tra công tác khoan lỗ mìn đúng theo hộ chiếu khoan đã lập, phát tín hiệu nổ mìn và chịu trách nhiệm về công tác an toàn trong từng đợt nổ mà mình là người chỉ huy nổ mìn.

c) Kiểm tra việc củng cố, che chắn thiết bị, cáp điện trước, sau khi nổ mìn. Kiểm tra phương tiện, dụng cụ phục vụ việc nạp mìn và điểm hoả mạng nổ. Quản lý chìa khoá máy nổ mìn kể từ lúc chuẩn bị nạp mìn cho đến lúc điểm hỏa mới giao cho thợ mìn. Cương quyết dừng công việc nổ mìn ở những vị trí không đủ điều kiện an toàn.

d) Kiểm tra sự có mặt của người gác mìn ở những vị trí gác, trường hợp người gác mìn không đúng vị trí, không đảm bảo khoảng cách an toàn phải yêu cầu họ đến đúng vị trí theo sơ đồ gác mìn trong hộ chiếu. Chỉ phát tín hiệu nổ mìn khi các yêu cầu về an toàn khi nổ mìn đã được thực hiện hoàn tất.

e) Trực tiếp đo kiểm soát khí trước và sau nổ mìn đảm bảo an toàn theo Điều 21 Quy định này.

3. Quản đốc Phân xưởng

a) Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và Pháp luật về công tác quản lý, bảo quản, vận chuyển và sử dụng VLNCN tại đơn vị mình.

b) Tổ chức đăng ký chữ ký mẫu của Người được quyền ký phiếu lĩnh, phiếu trả VLNCN tại các kho của Công ty. Việc đăng ký chữ ký mẫu phải tuân thủ mẫu theo phụ lục số 01 trong Quy định này.

c) Trang bị đầy đủ dụng cụ phục vụ vận chuyển, bảo quản VLNCN và phương tiện nổ mìn cho thợ mìn và các vị trí đảm bảo số lượng và chất lượng.

d) Bố trí Chỉ huy nổ mìn, thợ mìn cho các ca đảm bảo sản xuất thông suốt.

e) Kiểm tra, theo dõi lượng tiêu thụ VLNCN trong các ca và điều kiện địa chất gương lò, khi gương lò thay đổi về điều kiện đất đá khoan nổ mìn vượt hộ chiếu mẫu quá 03 ca liên tục phải thông báo cho các phòng P.TĐ, KCM kiểm tra và báo cáo Giám đốc để lập hộ chiếu bổ sung kịp thời.

4. Phó quản đốc trực ca

a) Là người chịu trách nhiệm chính trước Giám đốc Công ty và pháp luật về công tác quản lý, bảo quản, vận chuyển và sử dụng VLNCN trong ca mình phụ trách. Hàng ca, phải kiểm soát được số lượng VLNCN mang vào so sánh với phiếu lĩnh, kiểm soát được số lượng VLNCN đã tiêu thụ cho từng đợt nổ, từng vị trí.

a) Trong ca sản xuất chỉ phân công những người đã được đào tạo nghề bắn mìn, kiểm tra sát hạch đạt yêu cầu có giấy chứng nhận để làm nhiệm vụ bắn mìn. Chỉ phân công người đã được đào tạo chỉ huy nổ mìn, kiểm tra sát hạch đạt yêu cầu làm nhiệm vụ

vụ chỉ huy nổ mìn. Phải phân công rõ chỉ huy nổ mìn và thợ mìn tại từng vị trí nổ mìn vào Ca lệnh sản xuất hàng ca.

b) Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định trong việc lập hộ chiếu khoan nổ mìn, nghiệm thu trước và sau khi nổ mìn, thanh quyết toán VLNCN.

c) Khi lập lệnh nổ mìn phải quy định cụ thể vị trí, khoảng cách gác mìn, số lượng các trạm gác, vị trí điểm hoả. Phân công người chỉ huy nổ mìn, người gác mìn ở các vị trí và yêu cầu họ ký nhận vào sổ khi nhận nhiệm vụ. Nghiêm cấm bố trí công nhân mới, học sinh thực tập gác mìn.

d) Nếu Phó Quản đốc trực ca trực tiếp Chỉ huy nổ mìn thì thực hiện theo Khoản 2 Điều này. Ngoài ra, yêu cầu:

- **Đối với các gương đào lò khi còn cách điểm bực 7m** Phó quản đốc phải là người chỉ huy nổ mìn trực tiếp **cấm giao quyền chỉ đạo cho người khác**. Thực hiện chế báo cáo về Phòng ĐK tên gương lò chuẩn bị đào bực, chiều dài lò còn lại đến vị trí điểm bực (ước), số lượng VLNCN tiêu thụ; Tên đường lò các vị trí gác mìn (số điện thoại các vị trí gác); Tên người gác mìn. Sau khi nổ mìn xong đảm bảo an toàn phải báo cáo về phòng ĐK kết quả đợt khoan nổ mìn.

- **Đối với lò chợ:** Ưu tiên Phó Quản đốc trực tiếp chỉ đạo công tác nổ mìn và là người chịu trách nhiệm chính về công tác an toàn, nếu bố trí người khác chỉ huy nổ mìn phải được thể hiện đầy đủ trong Nhật lệnh, Ca lệnh sản xuất.

5. Thợ mìn

a) Là người chịu trách nhiệm cao nhất trong công tác vận chuyển, bảo quản và sử dụng VLNCN;

b) Thực hiện trang bị đúng bảo hộ lao động đã được Công ty trang cấp (*áo có chữ Thợ mìn*). Trong quá trình làm việc.

c) Bảo quản và trực tiếp quản lý số lượng VLNCN kể từ lúc lĩnh ở kho cho đến lúc quyết toán trả lại số VLNCN không sử dụng hết về kho của Công ty.

d) Thực hiện công việc nạp nổ mìn đúng với nhật lệnh sản xuất và theo thiết kế, hộ chiếu nổ mìn. Không tự ý giao VLNCN cho người khác với bất kỳ lý do nào.

e) Khi vận chuyển VLNCN từ kho đến nơi sử dụng trong hầm lò phải có đủ dụng cụ chuyên dùng để vận chuyển. Khi qua các trạm kiểm soát cửa lò phải khai báo số lượng VLNCN mang theo vào hoặc ra lò để công nhân bảo vệ kiểm soát cửa lò kiểm đếm và ghi sổ theo dõi, tại nơi sử dụng phải bảo quản VLNCN trong hòm chuyên dùng. Chỉ mang VLNCN đến vị trí nạp mìn khi việc củng cố, đo khí và các công việc đã thực hiện xong và có lệnh của Chỉ huy nổ mìn.

f) Quá trình nạp mìn và điểm hoả mạng nổ phải thực hiện đúng trình tự các bước công việc. Cấm làm tắt, cắt xén quy trình.

g) Sau khi nổ mìn phải kiểm tra kỹ vị trí vừa nổ mìn để phát hiện mìn câm, mìn nổ không hết để tiến hành xử lý mìn câm theo đúng quy định.

6. Công nhân gác mìn

a) Khi được giao nhiệm vụ gác mìn, công nhân gác mìn phải thực hiện đúng theo Điều 19 Quy định này.

b) Khi đi đuổi người gác mìn phải kiểm tra, kiểm soát kỹ người ở các đường lò theo quy định phải sơ tán đặc biệt các lối rẽ vào các đường lò khác để phòng không sơ

tán hết người ra khỏi vùng giới hạn nguy hiểm khi nổ mìn và treo dây ruy băng cách ly vùng nguy hiểm do nổ mìn. Chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật nếu để người khác đi qua trạm gác của mình được phân công vào bãi mìn.

c) Chỉ được rời trạm gác khi có tín hiệu báo yên từ Chỉ huy nổ mìn. Trước khi rời trạm gác phải cắt biển báo, tháo dây ruy băng. Dây ruy băng phải được bảo quản, cất giữ hoặc treo gọn vào hông lò mỗi khi kết thúc đợt nổ mìn.

7. Công nhân làm việc ở khu vực có tiến hành nổ mìn

a) Khi nghe thấy tín hiệu đề phòng (**một hồi còi dài**): Phải dừng ngay công việc, nhanh chóng đi đến vị trí an toàn dưới sự hướng dẫn của người gác mìn hoặc dừng lại không đi tiếp vào khu vực đã treo biển cấm, treo dây ruy băng.

b) Cấm đi vào khu vực đang tiến hành nạp nổ mìn khi đã có sự ngăn cản của người gác mìn hoặc khi nghe thấy tín hiệu đề phòng. Chỉ được đi vào khu vực vừa nổ mìn khi được sự cho phép của người được phân công gác mìn.

Điều 26. Trách nhiệm của các Phân xưởng Điện, Vận tải hầm lò, Thông gió Tuyển than, Tuyển VD2

1. Phân xưởng Điện: Có trách nhiệm quản lý, bảo quản máy nổ mìn theo Quy định hiện hành của Công ty.

2. Các Phân xưởng Vận tải hầm lò:

a) Các Phân xưởng đang quản lý các toa chở VLNCN: Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các toa xe chở VLNCN đảm bảo đầy đủ chốt cửa (xích cửa), vật liệu mềm lót đáy và thành toa xe, bánh xe, ốc chốt bánh, cơ cấu giảm xóc, lò xo (đệm), xích kéo, chốt kéo...đảm bảo đủ điều kiện an toàn.

b) Tổ chức thành lập các đoàn toa xe chở VLNCN phải thực hiện theo đúng Điều 9 và Điều 10 Quy định này. Các toa xe phải đầy đủ số lượng và chất lượng trước khi đưa vào sử dụng để vận chuyển VLNCN.

c) Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng tuyến đường sắt để chở VLNCN đảm bảo để các đoàn toa xe chở VLNCN không bị xóc, cạm gây mất toàn.

d) Khi thành lập các đoàn song loan chở thợ mìn tại các sân ga vào hiện trường sản xuất phải bố trí đầy đủ các song loan để chở thợ mìn đảm bảo đầy đủ số lượng và chất lượng. Nghiêm cấm người không nhiệm vụ ngồi cùng đoàn song loan chở thợ mìn. Thực hiện đúng theo Khoản 2 Điều 10 Quy định này.

3. Các Phân xưởng Vận tải hầm lò, Thông gió:

a) Khi thực hiện các công việc cần hạ công nước, hạ đường sắt phải kiểm tra, đánh giá vị trí làm việc, nếu phát hiện có dấu hiệu mìn câm phải dừng ngay công việc đang thi công, khoanh vùng nguy hiểm, cử người canh gác và gọi điện báo cáo Giám đốc thông qua Phòng ĐK để Giám đốc chỉ đạo các Phòng chức năng có biện pháp giải quyết, xử lý theo quy định.

b) Nghiêm cấm tiếp tục công việc khi phát hiện dấu hiệu có mìn câm.

4. Phân xưởng Tuyển Than, Tuyển VD2: Thực hiện nghiêm túc quy định quản lý và xử lý kíp điện, mìn câm lẫn trong than thể hiện trong quy định tách loại tạp chất thu hồi trong sàng tuyển ban hành kèm theo Quyết định số: 323/QĐ-TVD ngày 22/3/2022.



CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị tổ chức phổ biến, huấn luyện quy định này đến CBCNV trong đơn vị và triển khai thực hiện nghiêm túc.
2. Trong quá trình thực hiện có gì chưa hợp lý phải báo cáo qua Phòng KCM để tổng hợp báo cáo Giám đốc điều chỉnh sửa đổi cho phù hợp./.

PHỤ LỤC 01

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN
THAN VÀNG DANH-VINACOMIN
PHÂN XƯỞNG:**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20....

DANH SÁCH

**Đăng ký chữ ký mẫu của người ký phiếu lĩnh và phiếu trả VLNCN
người lĩnh và trả VLNCN năm 20.....**

Số thứ tự	Họ và tên	Số danh bạ	Chức vụ	Chữ ký 1	Chữ ký 2	Chữ ký 3	Ghi chú
I. Người ký phiếu lĩnh VLNCN, phiếu trả VLNCN							
1	Nguyễn Văn A	012	QĐ				
2	Nguyễn Văn B	1925	PQĐ	Chi huy nổ mìn			
3	Lê Văn V	11337	KTV	Chi huy nổ mìn			
4	Trần Văn C	14527	Lò trưởng	Chi huy nổ mìn			
5	Nguyễn Văn D	3358	Tổ trưởng SX	Chi huy nổ mìn			
6	Phạm Văn H	4725	Gương trưởng	Chi huy nổ mìn			
7	Lê Văn M	3639	Công nhân	Chi huy nổ mìn			
II. Người lĩnh và trả VLNCN							
1	Nguyễn Văn K	7272	Thợ mìn				
2							
3							

GIÁM ĐỐC**P.TCLĐ****P. KB****P. AT****QUẢN ĐỐC PX**

PHỤ LỤC 02**Mẫu phiếu dán trên hộp, hòm kíp đã phân loại (Kích thước 5cm x 13cm)**

- Số hiệu kíp: Số
- Nhóm điện trở kíp: R
- Ngày đo: Ca Ngày tháng năm 20
- Họ và tên người đo:
- Chữ ký của người đo ký:



PHỤ LỤC 03

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN
THAN VÀNG DANH-VINACOMIN
PHÂN XƯỞNG:**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN BÀN GIAO Mìn CẦM

Ca.....Ngày.....tháng.....năm 20.....

I. Thành phần**1. Người bàn giao**

- Ông:.....Phó Quản đốc trực ca 1 ngày..... tháng.....năm 20....
- Ông:.....Chỉ huy nổ mìn tại vị trí gương lò có mìn cẦM ca 1 ngày.... tháng.....năm 20...
- Ông:.....Gương trưởng, Nhóm trưởng làm tại vị trí gương lò có mìn cẦM ca 1 ngày..... tháng.....năm 20....
- Ông:.....Thợ mìn bắn mìn tại vị trí gương lò có mìn cẦM ca 1 ngày..... tháng.....năm 20....

2. Người nhận bàn giao

- Ông:.....Phó Quản đốc trực ca 2 ngày..... tháng.....năm 20...

II. Nội dung bàn giao

Vị trí nổ mìn.....

III. Sơ đồ lỗ khoan

1. Sơ đồ lỗ khoan trước khi nổ mìn theo thiết kế số.....Ngày.....tháng.....năm 20.....

(Vẽ lại sơ đồ lỗ khoan đã khoan, nạp mìn trước khi nổ mìn của đợt có mìn cẦM)

2. Sơ đồ vị trí lỗ khoan sau khi đã nổ mìn gương còn sót lại

(Vẽ sơ đồ các lỗ mìn cẦM còn sót lại sau khi đã nổ mìn).

IV. bảng lý lịch lỗ mìn cẦM

thứ tự đợt nổ	Loại lỗ khoan	Thông số khoan có mìn cẦM											Số bước đào (Bước khẩu)	Số lần nổ mìn	
		Số hiệu lỗ khoan	Số lượng lỗ mìn cẦM (lỗ)	Chiều sâu LK (m)		Độ nghiêng LK (độ)		Lượng thuốc nạp (kg/lỗ)		Kíp mìn cái/lỗ	Cấp vi Sai của kíp				Chiều dài búa (m)
				t.kế	t.thực	bằng	cạnh	t.kế	t.thực		t.kế	t.thực			
Đợt	lỗ														
2	hàng nền	6	01		1,5	90	80		0,4	01		4	0,6	1,4	

Loại thuốc nổ sử dụng: NTLT2

Loại kíp vi sai sử dụng: Vi sai Quốc phòng

NGƯỜI BÀN GIAO

(Ký ghi rõ họ tên)

NGƯỜI NHẬN BÀN GIAO

(Ký ghi rõ họ tên)

*Chú ý biên bản bàn giao phải lưu vào lệnh nổ mìn của ca nhận bàn giao và xử lý xong mìn cẦM./.

PHỤ LỤC SỐ 04**MẪU SỔ XỬ LÝ MÌN CÂM****Sổ xử lý mìn câm và kết quả xử lý**

1. Thời gian nổ mìn có mìn câm: Vào hồi.....ngày..... tháng.....năm.....
2. Lỗ mìn câm theo hộ chiếu số:
 - Số lỗ đã nạp:
 - Số lỗ đã nổ:
 - Số lỗ mìn câm:
3. Thợ mìn đã nạp, nổ theo hộ chiếu (họ tên, chữ ký):
4. Thời gian xử lý mìn câm: Vào hồi.....ngày..... tháng.....năm.....
5. Thợ mìn xử lý mìn câm (họ tên, chữ ký): 

PHỤ LỤC 05

BẢNG THỐNG KÊ TÌNH TRẠNG CHỐNG SÉT Ở KHO VLNCN

I/ Những số liệu kỹ thuật chủ yếu về tiếp đất

Số hiệu nhà kho	Số của tiếp đất trong sơ đồ	Ngày lắp tiếp đất	Kết cấu của tiếp đất bảo vệ Số:	Tình trạng thời tiết		Phương pháp đo Máy đo	Điện trở xuất của đất $\rho, \Omega/\text{cm}$	Điện trở, Ω		
				Trước lúc đo	Trong lúc đo			Tính toán	Đo được	Điện trở xung
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

Người lập các số liệu: ký tên

Người đo : ký tên

II/ Kết quả kiểm tra và đo

Số hiệu nhà kho	Số của tiếp đất	Ngày đo và kiểm tra	Kết quả kiểm tra bên ngoài	Tình trạng thời tiết		Phương pháp đo Máy đo	Điện trở, Ω		Kết luận về tình trạng của công trình chống sét
				Trước lúc đo	Trong lúc đo		Đo được $R_{\sim}$	Xung R_i	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Người kiểm tra, đo: ký tên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘ CHIẾU KHOAN NỔ Mìn HẦM LÒ

Ca.....ngày..... tháng năm 20.....

I. VỊ TRÍ NỎ MÌN:

II. ĐẤT ĐÁ LOẠI:

III. SƠ ĐỒ LỖ KHOAN:

Dựa theo thiết kế, hộ chiếu Số ngày tháng năm 202.....

IV. BẢNG LÝ LỊCH LỖ MÌN:

[illegible]

Loại thuốc nổ sử dụng:.....Loại kíp vi sai sử dụng:.....

宋

SƠ ĐỒ NẠP THUỐC, ĐẦU KÍP:

VI. SƠ ĐỒ VỊ TRÍ NỔ Mìn, TRẠM GÁC Mìn, NƠI TRÁNH Mìn, VỊ TRÍ KHỞI NỔ

VII. PHÂN CÔNG GÁC Mìn:

Stt	Lần 1					Lần 2				
	Họ và tên	Chức vụ	Tổ, đội	Trạm gác số	Ký nhận	Họ và tên	Chức vụ	Tổ, đội	Trạm gác số	Ký nhận
1										
2										
3										
4										
6										
Stt	Lần 3					Lần 4				
	Họ và tên	Chức vụ	Tổ, đội	Trạm gác số	Ký nhận	Họ và tên	Chức vụ	Tổ, đội	Trạm gác số	Ký nhận
1										
2										
3										
4										
5										

VIII. CÔNG TÁC KIỂM SOÁT KHÍ TRƯỚC VÀ SAU KHI NỔ Mìn

KẾT QUẢ ĐO KHÍ TRONG CA																
Hàm lượng khí (%)	Trước khi nổ mìn								Sau khi nổ mìn							
	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 5	Lần 6	Lần 7	Lần 8	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 5	Lần 6	Lần 7	Lần 8
CH ₄																
CO ₂																
CO																
Người đo ký tên																

IX. VẬT LIỆU NỔ SỬ DỤNG, THỪA TRẢ KHO:

Vật liệu nổ	Dự trữ đầu ca	Vật liệu nổ tiêu thụ trong ca					Tồn trả kho	Chỉ huy nổ mìn ký tên	Thợ mìn ký tên
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Cộng			
Thuốc nổ (kg)									
Kíp mìn (cái)									

X. QUY ĐỊNH HIỆU LỆNH NỔ MÌN

- Tín hiệu thi công mìn: **Một hồi còi dài.**
- Tín hiệu nổ mìn: **Hai hồi còi dài.**
- Tín hiệu báo yên: **Ba hồi còi ngắn.**

XI. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT AN TOÀN:

- Gương trường căn cứ sơ đồ lỗ khoan do hộ chiếu quy định để thực hiện khoan lỗ mìn theo các thông số yêu cầu. Phải kiểm tra tình trạng gương lò, gậy om, củng cố các vì chống, nếu đảm bảo an toàn mới tiến hành khoan. Khi điều kiện địa chất có sự thay đổi: đất đá bị vỡ nhàu, xuất hiện mặt trượt, than đá bị đảo vĩa thì có thể điều chỉnh vị trí và hướng lỗ khoan cho phù hợp với điều kiện thực tế. Tại gương phải chuẩn bị đủ các loại chèo khoan, mũi khoan, chèo định vị lỗ khoan, búa khoan.

- Người Chỉ huy nổ mìn phải kiểm tra các thông số của lỗ khoan đã thi công, nếu có thay đổi so với hộ chiếu ban đầu thì phải điều chỉnh lượng vật liệu nổ của từng lỗ mìn cho phù hợp với thực tế, các thay đổi phải được ghi chép vào bảng lý lịch lỗ mìn.

- Phải di chuyển thiết bị ra nơi an toàn; cắt điện vào gương lò chuẩn bị nổ mìn; tổ chức đo khí, nếu đảm bảo an toàn, hàm lượng khí CH₄ <1% mới được nạp, nổ mìn.

- Thợ mìn theo các thông số do Chỉ huy nổ mìn ghi trong hộ chiếu nổ mìn để nạp mìn, chú ý bảo quản tem ký hiệu cấp vi sai ở đầu dây của kíp mìn để phục vụ việc kiểm tra, đối chiếu. Yêu cầu thợ mìn phải mang đủ dụng cụ nạp mìn, như: gậy nạp mìn, dùi tra kíp, máy nổ mìn, dây cầu, dây cái đủ quy cách...

- Người Chỉ huy nổ mìn phải bố trí gác mìn, khi đã chắc chắn đuổi hết người trong phạm vi nguy hiểm mới phát tín hiệu bắt đầu nạp mìn; trực tiếp chỉ huy nạp mìn, đảm bảo nạp thuốc đúng thông số của hộ chiếu; kiểm tra việc đấu nối mạng nổ, kiểm

tra thông mạch bằng dụng cụ chuyên dùng (nếu có); khi biết chắc chắn mọi người đã vào nơi ẩn nấp an toàn mới cho phát tín hiệu khởi nổ và trao chìa khóa máy nổ mìn cho Thợ mìn khởi nổ.

- Sau khi nổ mìn, phải tiến hành thông gió tích cực từ 20 đến 30 phút, tốc độ gió sạch phải đạt trên 0,3 m/giây; tổ chức đo khí từ ngoài vào, nếu an toàn mới được vào kiểm tra bãi mìn. Chỉ huy nổ mìn phải trực tiếp kiểm tra tình trạng kỹ thuật vì chống, tổ chức gậy om, củng cố lò, tìm kiếm xử lý mìn câm kịp thời theo quy định khi phát hiện thấy dấu hiệu có mìn câm, mìn sót sau mỗi đợt nổ. Khi đã đảm bảo an toàn mới cho phát lệnh báo yên để mọi người tiến hành công việc bình thường.

XII. CÁC BỔ SUNG NỔ MÌN KHÁC: (do Chỉ huy nổ mìn hoặc Phó quản đốc trực ca bổ sung tại chỗ)

XIII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

1. Đánh giá công tác thực hiện hộ chiếu khoan:

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá kết quả nổ mìn:

- Chất lượng vụ nổ:

.....

.....

NGƯỜI LẬP HỘ CHIẾU

(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỈ HUY NỔ MÌN

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI QUẢN LÝ DUYỆT

(Ký xác nhận sau khi nổ mìn và ghi rõ họ tên)



PHỤ LỤC SỐ 07

CÔNG TY CP THAN VÀNG DANH - VINACOMIN

PHIẾU TRẢ VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP SAU KHI NỔ Mìn

- Phân xưởng:.....thực hiện thi công nổ mìnca.....ngày.....tháng.....năm 202.....
- Họ và tên người trả VLNCN (thợ mìn):.....
- Vị trí nổ mìn:
- Kho cấp phát vật liệu nổ:.....

Tên công đoạn sử dụng VLNCN	Loại thuốc nổ (kg)			Kíp nổ (cái)								Vật tư khác	
				Kíp nổ tức thời	Số hiệu kíp vi sai							Dây điện (m)	
	NTLT...	NTLĐ...	Tổng		1	2	3	4	5	6	Tổng		
Số lượng VLNCN được cấp													
Số lượng VLNCN đã tiêu thụ													
Số lượng VLNCN nhập lại kho													

Đã nhập lại trả kho ngày:tháng.....năm 202.....

Chỉ huy nổ mìn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Người trả VLNCN (thợ mìn)

(Ký và ghi rõ họ tên)

Người nhận VLNCN (thủ kho)

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 08

CÔNG TY CP THAN VÀNG DANH - VINACOMIN

PHIẾU LỆNH NỔ Mìn KIỂM PHIẾU LĨNH VLNCN

- Phân xưởng:.....Để tiến hành công tác nổ mìn ca.....ngày.....tháng.....năm 202.....
- Thợ mìn (ghi rõ họ và tên):.....
- Thợ phụ vận chuyển VLNCN (nếu có):.....
- Vị trí nổ mìn:
- Kho cấp phát vật liệu nổ:.....

Tên công đoạn sử dụng VLNCN	Các thông số của bãi mìn					Yêu cầu về VLNCN											Vật tư khác	
						Loại thuốc nổ (kg)			Kíp nổ (cái)								Dây điện (m)	
	Nhóm lỗ khoan	Số hiệu khoan	Tổng số lỗ khoan (lỗ)	Tổng số mét khoan (m)	Lượng thuốc nổ nạp 01 lỗ (kg)				NTLT..	NTLĐ..	Tổng	Kíp mìn tức thời	Số hiệu kíp vi sai					
						1	2	3					4	5	6	Tổng		
Dự trữ VLNCN cho ca sản xuất																		
	Tổng																	
VLNCN cấp phát thực tế																		

Thời gian cấp VLNCN..... ngàytháng.....năm 202.....

Người phát (thủ kho)

(Ký và ghi rõ họ tên)

Người lĩnh (thợ mìn)

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phó Quản đốc trực ca

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 09

CÔNG TY CP THAN VÀNG DANH-VINACOMIN

Phân xưởng

BIỂU TỔNG HỢP SỬ DỤNG VLNCN TẠI CÁC GƯƠNG THI CÔNG

Stt	Tên gương lò thi công	Khu vực thi công		Tháng				Tháng				Tháng			
				Thuốc nổ (kg)		Kíp điện (cái)	Dây điện (m)	Thuốc nổ (kg)		Kíp điện (cái)	Dây điện (m)	Thuốc nổ (kg)		Kíp điện (cái)	Dây điện (m)
		Khu	Vĩa	NTLT2	NTLĐ2			NTLT2	NTLĐ2			NTLT2	NTLĐ2		
	Tổng cộng			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	Khấu than														
1			...												
2															
II	Đào lò														
1			...												
2															
III	Xén lò, công việc khác...														
1	Xén lò														
2															

Ghi chú: đơn vị lập trên file exel, mẫu gửi kèm theo, khi gửi về phòng KCM gửi cả file mềm.

PHỤ LỤC SỐ 10
LỆNH XUẤT VẬT LIỆU NỎ CÔNG NGHIỆP
(sử dụng để xuất VLNCN từ kho này đến kho khác)

Số:

Tên đơn vị (Kho xuất): Phòng Vật tư - Kho

Xuất cho kho (tên kho nhập): Phòng Vật tư - Kho

Dùng để: Bảo quản, cấp phát phục vụ sản xuất

Họ và tên người giao:

Họ và tên người nhận:

Họ và tên nhóm trưởng áp tải:

Tên VLNCN	Đơn vị tính	Số lượng yêu cầu	Đã xuất				
			Số lượng	Nước sản xuất	Ngày sản xuất	Số thứ tự đợt sản xuất	Số thứ tự của hòm
1	2	3	4	5	6	7	8

- Ngày tháng xuất

- Người xuất (ký):

- Người nhận (ký):

- Nhóm trưởng áp tải (ký):

Người
viết phiếu

Ngày Tháng Năm

Phòng Vật tư(người được giao nhiệm vụ ký xuất
VLNCN)

Kế toán trưởng Công ty
 (hoặc người được Giám đốc
 C.ty ủy quyền ký)